

Phân tích kỹ thuật-P.1

Thị trường chứng khoán đang trở thành một điểm nóng thu hút sự quan tâm rất lớn của một đối tượng trong xã hội. Cùng với sự quan tâm đó, giới tham gia thị trường chứng khoán cũng bắt đầu quan tâm đến những kỹ thuật ứng dụng trong phân tích và đánh giá để đưa ra quyết định đầu tư phù hợp. Hai hệ thống kỹ thuật phân tích được nói đến nhiều nhất là phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật. Trong khi đa số chúng ta đều ít nhiều có những kiến thức nhất định về phân tích cơ bản thì số lượng người hiểu và nắm về phân tích kỹ thuật còn hạn chế, hơn thế nữa khả năng ứng dụng và tính chính xác của nó còn là một vấn đề đang bàn cãi hàng trăm năm nay. Để thành viên Saga cũng có kiến thức nhất định về khía cạnh phân tích kỹ thuật, chúng tôi quyết định cung cấp loạt bài nghiên cứu về phân tích cơ bản. Đây là loạt bài lấy từ bài nghiên cứu của hai thành viên của Saga. Hy vọng có thể giúp các bạn một chút về kiến thức và nhận được góp ý của các Saganors.

Lịch sử hình thành

Lịch sử của Phân tích kỹ thuật bắt nguồn từ cách đây hơn 100 năm, từ một người tên là Charles H. Dow. Ông là người đã sáng lập lên tạp chí phố Wall (The Wall Street Journal). Sau nhiều năm nghiên cứu, năm 1884 ông đưa ra chỉ số bình quân của giá đóng cửa của 11 cổ phiếu quan trọng nhất thị trường Mỹ thời gian đó. William Peter Hamilton là người thực sự mang lại sức sống cho những nghiên cứu của Dow bằng việc tiếp tục nghiên cứu và xuất bản cuốn sách "The Stock Market Barometer" (Phong vũ biểu thị trường chứng khoán) vào năm 1922. Suốt những năm 1920 và 1930, Richard W. Schabacker là người đã đi sâu vào những nghiên cứu của Dow và Hamilton, Schabacker là người đã đưa ra khái niệm đầu tiên về Phân tích kỹ thuật. Schabacker từng là chủ biên của tạp chí Forbes nổi tiếng. Ông chỉ ra rằng những dấu hiệu mà lý thuyết Dow đưa ra được với chỉ số bình quân thị trường vẫn giữ nguyên giá trị và tầm quan trọng khi áp dụng vào đồ thị của từng cổ phiếu riêng lẻ. Điều này đã được ông thể hiện và chứng minh trong cuốn sách của mình: "Stock Market Theory and Practice, Technical Market Analysis and Stock Market Profit". Như vậy những cơ sở đầu tiên của Phân tích kỹ thuật đã xuất hiện từ trong lý thuyết Dow, nhưng phải đến Schabacker – người cha của Phân tích kỹ thuật hiện đại tiếp đó là Edward và Magee với "Technical Analysis of Stock Trend" (cuốn sách đã được tái bản 8 lần) và ngày nay là John Murphy, Jack Schwager, Martin Pring, ... thì mới thực sự ra đời cái tên "Phân tích kỹ thuật" và được nâng cao, tổng kết thành một hệ thống lý luận quan trọng trong phân tích đầu tư trên thị trường chứng khoán nói riêng và thị trường tài chính nói chung.

Các quan điểm về Phân tích kỹ thuật

Nguyên lý của thành công trong đầu tư chứng khoán là dựa trên giả định rằng trong tương lai người ta sẽ tiếp tục lặp lại những sai lầm mà họ đã mắc phải trong quá khứ.
(Edwin Lefevre, Reminiscences of a Stock Operator)

Thị trường chứng khoán hay bất kì thị trường nào đều không bao giờ phản ánh đúng giá trị thực của một hàng hóa được trao đổi bên trong đó mà nó phản ánh giá trị mà nhà đầu tư nhận thức được và cho rằng nó đáng giá như thế.

Giá của bất kì một chứng khoán đã cho nào đều không chỉ ra mối quan hệ thực tế giữa cung và cầu mà là phản ánh kỳ vọng tương lai của cung và cầu.

Vậy "Phân tích kỹ thuật" là gì? Nhiều nhà quan sát coi Phân tích kỹ thuật là một tập hợp những mảnh khóe và cần đến sự tập luyện nghiêm túc thực sự. Những người vận dụng kết quả sau quá trình tập luyện ấy còn được gọi là "pháp sư". Nhiều người hiểu về tính đúng đắn của công việc này nhưng họ vẫn đặt ra câu hỏi về tính chính xác trong dự báo các xu thế chính trên thị trường chứng khoán và thị trường các loại hàng hóa khác. Bản thân trong những người sử dụng Phân tích kỹ thuật cũng không có một sự thống

nhất về quan điểm về bản chất của Phân tích kỹ thuật vì Phân tích kỹ thuật có thể được hiểu thuần túy là một khoa học mà cũng có thể được hiểu là một nghệ thuật.

Hiểu một cách rộng nhất thì Phân tích kỹ thuật luôn cố gắng nghiên cứu tình trạng “sức khỏe hiện tại của toàn thị trường hay của mỗi chứng khoán với mục đích là nhằm dự báo biến động tương lai của giá bằng cách dựa trên những kinh nghiệm có được với các hình mẫu kỹ thuật (hay mô hình kỹ thuật) thị trường đã xuất hiện trong quá khứ và áp dụng lại khi có mô hình tương tự xuất hiện. Giả thuyết căn bản trong Phân tích kỹ thuật là những kiến thức đã có về giá và hình mẫu đồ thị trong quá khứ sẽ được sử dụng “tham khảo” nhằm xác định giá có xu thế như thế nào trong tương lai đối với mỗi thị trường cụ thể.

Ta sẽ xem xét một số định nghĩa đã được đưa ra về Phân tích kỹ thuật :
Nick và Barbara Apostolous định nghĩa Phân tích kỹ thuật là “*quá trình dự báo biến động giá chứng khoán trong tương lai dựa trên cơ sở phân tích những biến động trong quá khứ của giá và các áp lực cung cầu có ảnh hưởng đến giá*”. Tuy nhiên định nghĩa này làm cho Phân tích kỹ thuật dường như trở lên gần tương đương với phân tích cơ bản - là quá trình ước lượng giá trị chứng khoán hay hàng hóa bằng cách phân tích các điều kiện kinh tế tài chính cơ bản mỗi công ty, mỗi ngành,...

Norman Fosback, trong cuốn “Stock Market Logic”:

“*Nếu như bản chất của phân tích cơ bản là việc xác định giá trị và xác định mua hay bán cổ phiếu khi giá trên thị trường sai lệch khỏi giá trị thực, thì Phân tích kỹ thuật lại dựa trên 2 giả thuyết cơ bản khác hoàn toàn. Thứ nhất, những ước lượng mang tính chủ quan là quá mơ hồ và không thích hợp và thứ hai là dao động giá trong tương lai có thể dự đoán được qua việc phân tích biến động giá trong quá khứ, phân tích mối quan hệ cung - cầu và một số yếu tố khác có ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả thị trường*”

Clifford Pistolese đã đưa ra định nghĩa khá đầy đủ như sau: “*Phân tích kỹ thuật là việc sử dụng biểu đồ giá và khối lượng giao dịch làm cơ sở cho các quyết định đầu tư. Cơ sở căn bản cho hướng tiếp cận này là ở chỗ các thông tin về giá và khối lượng trên biểu đồ phản ánh tất cả những gì diễn ra về việc mua hay bán một loại cổ phiếu. Vì biểu đồ cổ phiếu tóm tắt và phản ánh kết quả thực của các giao dịch đã thực hiện nên Phân tích kỹ thuật là cơ sở duy nhất cho việc ra các quyết định đầu tư*”

R. W. Schabacker, người cha đẻ của Phân tích kỹ thuật hiện đại đã mô tả Phân tích kỹ thuật như “*một môn khoa học mới*”. Schabacker giải thích rằng tất cả những yếu tố phân tích cơ bản hợp lý đều mang đến tình trạng thị trường đi xuống và chúng được đánh giá, tự động đưa vào và lưu lại trong các mức cân bằng thực trên biểu đồ chứng khoán. Ông còn mô tả sâu hơn đặc tính của biểu đồ cổ phiếu hay biểu đồ các loại hàng hóa khác như là một bộ nhớ hoàn hảo của thị trường và khẳng định chắc chắn rằng giá trị chủ yếu của một biểu đồ giá vượt ra ngoài ý nghĩa thực tế là một bức tranh ghi lại những giao dịch trong quá khứ.

Định nghĩa cụ thể của Schabacker như sau:

“*Việc Phân tích kỹ thuật các biến động thị trường là một khía cạnh của phân tích, dựa trên cơ sở những hiện tượng phát sinh từ chính thị trường, bỏ qua những tác động của các yếu tố trong phân tích cơ bản và các yếu tố khác. Trên thực tế Phân tích kỹ thuật có thể được giải thích đơn giản chỉ là phát biểu một cách đối lập lại với việc xem xét theo trường phái phân tích cơ bản. Khía cạnh cơ bản của phân tích thị trường nhằm mối quan tâm đặc biệt vào những yếu tố như doanh nghiệp phát hành cổ phiếu, việc kinh doanh của doanh nghiệp, tiềm năng, hoạt động trong quá khứ, thu nhập hiện tại và tương lai, bảng cân đối kế toán, sức mạnh tài chính, chất lượng của đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp, ... Các yếu tố kỹ thuật là những gì có thể được coi là tổng thể các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng biến động về giá cổ phiếu sau khi đã bỏ qua các yếu tố thuộc phân tích cơ bản và những yếu tố không thực sự có ảnh hưởng*”

Còn theo **Edward và Magee** thì:

“Phân tích kỹ thuật là môn khoa học của sự ghi nhận lại, thường là dưới dạng đồ thị, những hoạt động giao dịch diễn ra trong quá khứ gây lên những thay đổi về giá, khối lượng giao dịch, ... của một chứng khoán bất kì hay với chung toàn bộ thị trường và sau đó sẽ dựa trên “bức tranh về quá khứ” đó để suy luận ra xu thế có thể xảy ra trong tương lai”

Không phải ngẫu nhiên mà cuốn sách **“Technical Analysis of Stock Trend”** của Edward và Magee lại được tái bản tới 8 lần, đây là quyển sách mang tính đầy đủ nhất và cơ bản nhất khi tìm hiểu về Phân tích kỹ thuật, vì vậy để có thể hiểu rõ thì rất cần nghiên cứu kĩ cuốn sách này. Ở đây sẽ trích dẫn thêm một số đoạn nhằm giúp người đọc hiểu kĩ hơn “...những nhà Phân tích kỹ thuật luôn phát biểu với lý luận đầy đủ còn lượng thông tin, dữ liệu mà phân tích cơ bản nghiên cứu là quá cũ và không còn giá trị sử dụng. Bởi vì tâm lý thị trường không quan tâm đến quá khứ và thậm chí là cả hiện tại, thị trường luôn hướng về phía trước, cố gắng phản ánh những tăng trưởng trong tương lai, xem xét đo lường và làm cân bằng tất cả những ước lượng, dự đoán của hàng trăm nhà đầu tư - những người cùng nhìn vào tương lai nhưng dưới những góc độ hoàn toàn khác nhau và với những cặp kính nhiều màu sắc. Tóm lại, giá thị trường được tạo lên bởi bản thân thị trường, bao gồm tất cả những thông tin thuộc về cơ bản mà những người phân tích thống kê muốn tìm hiểu cùng với nhiều những nguồn thông tin khác có tầm quan trọng ngang hoặc lớn hơn nhiều...”

Edward và Magee còn đưa ra 4 điểm căn bản sau về Phân tích kỹ thuật:

- Giá trị thị trường của một chứng khoán được xác định duy nhất thông qua tác động qua lại giữa cung và cầu.
- Cung và cầu chịu ảnh hưởng, ở bất kì thời điểm nào, bởi hàng trăm những yếu tố, một số là ảnh hưởng hợp lý, một số hầu như phi lý. Thông tin, ý kiến, tâm lý, dự đoán,...(có thể đúng, có thể sai,...) về tương lai kết hợp và trộn lẫn với nhau và với những yếu tố cần thiết khác để tạo thành sự cân bằng chung của toàn thị trường. Không một cá nhân nào có thể nắm lấy và định lượng những điều này mà thị trường sẽ tự thực hiện.
- Bỏ qua những dao động nhỏ thì giá nhìn chung sẽ vận động theo những xu thế giá chung của thị trường, những xu thế này là ổn định trong một khoảng thời gian tương đối dài.
- Những thay đổi trong xu thế thị trường thể hiện qua sự dịch chuyển của điểm cân bằng cung cầu dù là vì bất kì nguyên nhân nào đều có thể xác định sớm hơn hoặc muộn hơn thời điểm thị trường biến động.

Cuối cùng ta sẽ xem xét định nghĩa của **Steven B. Achelis**, tác giả của cuốn sách **“Technical Analysis from A to Z”**:

“Phân tích kỹ thuật là việc nghiên cứu giá, với công cụ cơ bản là biểu đồ, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư...”

Xét cho cùng định nghĩa về Phân tích kỹ thuật cũng chỉ cần đơn giản như vậy còn cụ thể bản chất, cách thực hiện sẽ được nghiên cứu ở các phần tiếp theo đặc biệt là phần **lý thuyết Dow**.

Phân tích kỹ thuật P.2

Những giả định cơ sở và những bàn luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán.

1. Những giả định cơ sở

Phân tích kỹ thuật là sự nghiên cứu biến động của thị trường, chủ yếu thông qua việc sử dụng các đồ thị nhằm mục đích dự đoán các xu thế biến động của giá trong tương lai.

Thuật ngữ “*biến động của thị trường*” ám chỉ ba yếu tố biến động chính cung cấp thông tin cho quá trình Phân tích kỹ thuật là giá, khối lượng giao dịch và số lượng hợp đồng chưa chốt (open interest).

Có 3 giả định làm cơ sở cho việc tiếp cận Phân tích kỹ thuật:

- Biến động thị trường phản ánh tất cả
- Giá dịch chuyển theo xu thế chung

- Lịch sử sẽ tự lặp lại

Biến động thị trường phản ánh tất cả.

Đây có thể coi là **nền tảng** của Phân tích kỹ thuật. Mọi lý thuyết, phân tích khác muốn được chấp nhận thì trước tiên phải hiểu và chấp nhận giả định này. Các nhà Phân tích kỹ thuật cho rằng bất cứ yếu tố nào có khả năng ảnh hưởng đến giá như tâm lý, chính trị hay các yếu tố tài chính của doanh nghiệp, tổ chức. . . đều được phản ánh rõ trong giá thị trường. Do đó có người cho rằng việc nghiên cứu biến động của giá là tất cả những gì ta cần và thực sự không thể phản đối lại ý kiến này.

Trên cơ sở nhận thức chung về việc giá phản ánh những biến động trong cung, cầu. Các nhà Phân tích kỹ thuật chỉ ra rằng khi giá tăng dù vì bất kì lý do gì thì cầu phải vượt cung và thị trường tăng giá. Chúng ta cũng đều biết và đồng ý rằng động lực chính của cung và cầu là những yếu tố kinh tế căn bản, chúng làm hình thành lên Bull Market hay Bear Market, còn đồ thị thì không tự nó làm cho thị trường dịch chuyển lên hay xuống. Đồ thị chỉ có thể phản ánh tình hình thị trường mà thôi.

Giá vận động theo xu thế

Khái niệm về xu thế là khái niệm vô cùng quan trọng trong Phân tích kỹ thuật do đó cần hiểu kĩ về giả định này trước khi muốn tìm hiểu sâu thêm về nó. Mục đích của việc xác lập đồ thị mô tả những biến động giá trên thị trường là nhằm xác định được sớm những xu thế giá, từ đó sẽ tham gia giao dịch trên cơ sở những xu thế này. Trên thực tế những kĩ thuật ở đây đều mang tính lặp lại những xu thế giá có từ trước tức là mục đích của Phân tích kỹ thuật là nhằm xác định sự lặp lại của những dạng biến động của giá đã xuất hiện trong quá khứ để có thể tận dụng kinh nghiệm và đưa ra những quyết định phù hợp.

Từ giả định này chúng ta còn có một hệ quả là “*một xu thế giá đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó và ít khi có đảo chiều*”. Hệ quả này rút ra từ định luật 1 về sự vận động của Newton, do đó nó cách phát biểu khác như sau: “*một xu thế đang vận động sẽ tiếp tục theo xu thế của nó cho đến khi nó đảo chiều*”. Nhìn chung tất cả những nghiên cứu nhằm tiếp cận theo các xu thế đều nhằm để đi theo những xu thế giá hiện tại cho đến khi có dấu hiệu đảo chiều.

Lịch sử sẽ tự lặp lại.

Phần lớn nội dung của Phân tích kỹ thuật và việc nghiên cứu biến động thị trường đều phải nhằm vào nghiên cứu tâm lý con người. Chẳng hạn như những mô hình giá, những mô hình này đã được xác định và chứng minh từ hơn 100 năm nay, chúng giống như những bức tranh về đồ thị biến động giá. Những bức tranh này chỉ ra tâm lý của thị trường đang là lên giá hay xuống giá. Việc áp dụng những mô hình này đã phát huy hiệu quả trong quá khứ và được giả định rằng sẽ vẫn tiếp tục có hiệu quả trong tương lai bởi chúng dựa trên phân tích nghiên cứu tâm lý con người *mà tâm lý con người thì thường không thay đổi*. Như thế giả định này có thể được phát biểu là : “*Chìa khóa để nắm bắt tương lai nằm trong việc nghiên cứu quá khứ*” hay “*tương lai chỉ là sự lặp lại của quá khứ*”

2. Những bàn luận xung quanh việc áp dụng Phân tích kỹ thuật vào thị trường chứng khoán

Dự đoán trong phân tích cơ bản đối lập với trong Phân tích kỹ thuật

Trong khi Phân tích kỹ thuật tập trung vào việc nghiên cứu biến động thị trường thì Phân tích cơ bản lại tập trung vào các động lực kinh tế của cung và cầu - những nguyên nhân gây ra sự vận động của giá. Phân tích cơ bản tiếp cận theo hướng phân tích các thành tố có liên quan ảnh hưởng đến giá thị trường nhằm xác định giá trị thực của một loại chứng khoán - giá trị được xác định thông qua cung cầu và cuối cùng là để xác định các điểm thị trường bán trên giá trị thực tế (overprice) và các điểm thị trường bán dưới giá trị thực (underprice). Cả hai hướng tiếp cận theo Phân tích cơ bản và Phân tích kỹ thuật đều nhằm xác định xu thế mà giá có thể vận động tuy nhiên cách tiếp cận là khác nhau: những nhà phân tích cơ bản thì nghiên cứu nguyên nhân của những biến động thị trường trong khi những nhà Phân tích kỹ thuật lại nghiên cứu tác động của các biến động ấy.

Một số nhà đầu tư tự coi mình là người theo Phân tích cơ bản hay Phân tích kỹ thuật nhưng thực tế có rất nhiều sự trùng lặp: nhiều nhà Phân tích cơ bản có áp dụng những nguyên lý của Phân tích kỹ thuật trong công việc của mình trong khi hầu hết các nhà Phân tích kỹ thuật lại ít nhiều đều có thời kỳ đi theo Phân tích cơ bản.

Thường thì vào những giai đoạn bắt đầu của một số biến động quan trọng của thị trường những nhà Phân tích cơ bản không giải thích và không ủng hộ những gì mà thị trường chuẩn bị diễn ra. Chính tại những thời điểm nhạy cảm này mà hai trường phái phân tích tỏ ra khác nhau nhất. Hai trường phái này rồi sẽ lại giống nhau ở một số điểm nhưng nếu nhà đầu tư nào muốn dựa vào những điểm đó để làm cơ sở chắc chắn cho các quyết định của mình thì nó sẽ là quá muộn.

Một cách giải thích cho mâu thuẫn này là “giá thị trường có vai trò chỉ dẫn cho những người nghiên cứu Phân tích cơ bản” hoặc có thể nói giá thị trường là chỉ số dẫn đạo cho những nhà phân tích cơ bản. Những người có nghiên cứu về Phân tích kỹ thuật đều có thể nhận thấy những thay đổi về giá có tác động đến thị trường, hay là họ đã theo nhịp của thị trường, còn những người theo phân tích cơ bản lại chịu ảnh hưởng từ những biến động ấy. *Những thời điểm thị trường lên giá mạnh và giảm giá trầm trọng được ghi nhận trong lịch sử thường do sự không nhận thức được hoặc nhận thức được quá ít những thay đổi thị trường và cho đến khi những biến động ấy được nhận thức rộng rãi thì bản thân nó đã chuyển hướng và vận động theo hướng khác rồi.*

Phân tích và chọn thời điểm có đối lập với nhau không?

Quay lại với Phân tích kỹ thuật, quá trình ra quyết định có thể được chia thành 2 giai đoạn là phân tích và chọn thời điểm. Với những thị trường có “tác động đòn bẩy” lớn chẳng hạn như thị trường tương lai (thị trường có các công cụ phái sinh như: hợp đồng tương lai - futures và hợp đồng quyền chọn - Options) thì việc xác định thời điểm tham gia vào có vai trò rất quan trọng bởi hoàn toàn có trường hợp bạn đã phân tích và theo đúng tình hình thị trường nhưng bạn vẫn có thể mất tiền của mình. Cho dù mức tiền đặt cọc đối với thị trường tương lai là nhỏ (chỉ khoảng 10%) thì dù chỉ một lượng rất nhỏ giá vận động sai hướng có thể tác động đẩy nhà đầu tư ra khỏi thị trường và mất toàn bộ mức tiền đặt cọc ấy. Trái lại trong giao dịch trên thị trường chứng khoán, khi một nhà đầu tư nhận thấy mình đang lệch khỏi thị trường đối với một loại cổ phiếu nào đó thì anh ta chỉ việc đơn giản là giữ lại cổ phiếu đó và đợi cho đến khi cổ phiếu đó quay lại xu thế thị trường. Những người đầu tư vào thị trường tương lai sẽ không có đặc quyền ấy. Chiến lược “mua và nắm giữ” không thể áp dụng để đầu tư kiếm lời trên thị trường tương lai.

Khi phân tích ta có thể áp dụng theo cơ bản hay kỹ thuật, nhưng để trả lời câu hỏi về xác định thời điểm tham gia vào hay thoát ra khỏi thị trường thì câu trả lời nằm hoàn toàn trong Phân tích kỹ thuật. Việc xác định thời điểm có ý nghĩa rất quan trọng với

quyết định mua hay bán. Do đó khi xem xét các bước tiến hành của nhà đầu tư trước khi đưa ra quyết định cuối cùng ta có thể thấy việc áp dụng các nguyên lý của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua tại một số thời điểm của quá trình ra quyết định cho dù ở phần đầu của quá trình này khi tiến hành phân tích nhà đầu tư có thể áp dụng theo phân tích cơ bản.

Tính linh hoạt và tính thích dụng của Phân tích kỹ thuật.

Một trong những thế mạnh lớn của Phân tích kỹ thuật là sự thích dụng của nó trong bất kì phương thức giao dịch nào và vào với bất kì khoản thời gian giao dịch nào. Không có một phần nào trong giao dịch chứng khoán hay các chứng khoán phái sinh mà Phân tích kỹ thuật không thể ứng dụng được.

Một nhà phân tích đồ thị có thể sử dụng đồ thị trong bất kì và bao nhiêu thị trường tùy thích, nhưng điều này là không thể với một người sử dụng Phân tích cơ bản. Điều này là do với mỗi thị trường một người áp dụng Phân tích cơ bản sẽ phải xử lý một khối lượng dữ liệu khổng lồ, nó cũng nói lên tại sao một người Phân tích cơ bản chỉ có thể chuyên vào một hay một nhóm nhỏ chứng khoán nhất định - những ưu thế này của Phân tích kỹ thuật là không thể bỏ qua.

Mỗi thị trường đều phải trải qua những thời kỳ thị trường biến động mạnh và những thời kỳ trầm lắng, những giai đoạn mà giá biến động theo những xu thế rõ ràng và những giai đoạn mà xu thế của giá rất mờ nhạt thậm chí là không có một xu thế cụ thể nào. Khi đó những nhà Phân tích kỹ thuật có thể tập trung sự quan tâm cũng như những nguồn lực của mình vào những thị trường có chu thế vận động rõ ràng hơn và bỏ qua những thị trường loại kia. Điều này có nghĩa là họ có thể chuyển hướng đầu tư để tận dụng tính luân phiên tự nhiên của các thị trường. Vào những thời điểm khác nhau có những thị trường trỗi lên “nóng”, có xu thế rõ ràng. Thông thường, tiếp theo những thời kỳ có xu thế giá cụ thể ấy là những thời kỳ giá biến động khá trầm và hầu như không có xu thế nào rõ rệt, trong khi đó ở một hay một nhóm thị trường khác lại có những dấu hiệu biến động nóng. Tóm lại, một nhà Phân tích kỹ thuật có thể tìm và tham gia những thị trường mà họ thấy có khả năng kiếm lời nhanh chóng, còn những nhà Phân tích cơ bản thì không có tính linh hoạt ấy do tính chuyên sâu vào một loại thị trường như đã nói ở trên. Mặc dù họ hoàn toàn có quyền chuyển hướng quan tâm của mình vào một thị trường khác, nhưng điều ấy cũng có nghĩa là họ phải đối mặt với việc xử lý một khối lượng lớn các dữ liệu của thị trường mới này và rõ ràng là họ sẽ mất rất nhiều thời gian.

Một lợi thế khác của các chuyên gia Phân tích kỹ thuật là họ có “bức tranh tổng thể về thị trường”. Bởi vì họ theo dõi và nghiên cứu nhiều loại thị trường khác nhau nên họ luôn có được cảm nhận rất tốt về những biến động chung nhất của toàn thị trường, tránh được rơi vào tình trạng có những cái nhìn bó hẹp về thị trường - điều rất dễ xảy ra nếu chỉ chú trọng vào một hay một nhóm nhỏ thị trường nhất định. Đồng thời bởi vì mỗi thị trường đều xây dựng trên cơ sở những mối quan hệ kinh tế và cùng phản ứng lại những nhân tố kinh tế theo cách tương tự nhau cho nên biến động giá ở một hay một nhóm thị trường này có thể là những gợi ý cho việc dự đoán giá ở một hay một số thị trường khác.

Ứng dụng Phân tích kỹ thuật vào các hình thức giao dịch khác nhau.

Các nguyên lý của phân tích kỹ thuật có thể áp dụng trên thị trường chứng khoán cũng như trên thị trường tương lai. Các hợp đồng tài chính, bao gồm cả các hợp đồng về lãi suất và ngoại tệ trở nên vô cùng phổ biến trong những thập kỉ gần đây và đã chứng minh chúng là những đối tượng cần quan tâm mới cho phân tích biểu đồ. Trong giao dịch Options các nguyên lý của Phân tích kỹ thuật đóng vai trò rất lớn, rồi trong các giao dịch mang tính phòng vệ đầu tư (hedging) việc áp dụng Phân tích kỹ thuật cũng mang lại những lợi thế rất lớn.

Phân tích kỹ thuật áp dụng vào những khoảng thời gian có độ dài khác nhau.

Đây là một trong những sức mạnh của Phân tích kỹ thuật. Cho dù nhà đầu tư tham gia vào những giao dịch ngắn chỉ trong một ngày trong đó quan tâm đến từng biến động nhỏ hay đầu tư theo phân tích xu thế giá thì những nguyên lý chung chưa bao giờ tỏ ra vô giá trị. Ý tưởng cho rằng biểu đồ chỉ hữu ích cho phân tích trong ngắn hạn là sai bởi người ta luôn nói đến những khoảng thời gian dài trong dự báo của Phân tích kỹ thuật. Cho dù người ta luôn nói rằng để phân tích trong dài hạn thì nên áp dụng phân tích cơ bản nhưng thực tế cho thấy những dự báo sử dụng Phân tích kỹ thuật trong các biểu đồ tuần, tháng, năm có giá trị không kém chút nào. Một người khi đã nắm vững Phân tích kỹ thuật thì hoàn toàn có thể áp dụng rất đa dạng và linh hoạt trên bất cứ thị trường hay lĩnh vực đầu tư nào. Phân tích kỹ thuật có thể dùng không chỉ để dự báo giá chứng khoán mà có thể áp dụng dự đoán biến động của các loại hàng hóa, các biến động của nền kinh tế, của lạm phát, lãi suất....

Quá khứ có thể được dùng để dự đoán tương lai hay không?

Hầu hết những người phản đối Phân tích kỹ thuật đều đưa ra câu hỏi về vấn đề này. Nhưng hãy thử nhìn lại hầu hết những hình thức dự báo mà chúng ta đã biết đều hoàn toàn dựa trên những nghiên cứu đối với những dữ liệu trong quá khứ chẳng hạn như dự báo thời tiết hay kể cả Phân tích cơ bản. Liệu còn loại dữ liệu nào khác để sử dụng trong phân tích?

Trong thống kê có hai loại là thống kê mô tả và thống kê quy nạp. Thống kê mô tả nhằm đưa ra dữ liệu dưới các dạng biểu đồ khác nhau. Còn thống kê quy nạp lại mang tính tổng quát hoá, dự đoán, ngoại suy, ước lượng tức là những thông tin được suy ra từ việc phân tích dữ liệu. Như vậy các biểu đồ giá mang tính chất và đáng đáp của phân tích mô tả, còn những nhà Phân tích kỹ thuật lại thực hiện công việc xử lý những dữ liệu về giá cần đến thống kê quy nạp.

Trong một cuốn sách về thống kê có viết “ bước đầu tiên của dự đoán hoạt động kinh doanh hay dự đoán một hiện tượng kinh tế trong tương lai là tập hợp các quan sát ghi nhận được trong quá khứ”. *Phân tích đồ thị cũng chỉ là cũng chỉ là một dạng của phân tích chuỗi thời gian, đều dựa trên cơ sở phân tích quá khứ - đó là tất cả những gì ta cần khi phân tích một chuỗi thời gian.* Dạng thông tin duy nhất mà chúng ta có thể sử dụng là những thông tin trong quá khứ. Chúng ta chỉ có thể dự tính tương lai bằng cách áp dụng vào tương lai đó những kinh nghiệm có được trong quá khứ. Bất kì một ai nếu cứ dựa vào đây để phản đối lại Phân tích kỹ thuật thì người đó cũng nên đặt câu hỏi với tính chính xác của mọi dự báo trong phân tích cơ bản bởi chúng cũng đều dựa trên dữ liệu trong quá khứ.

Lý thuyết “Bước đi ngẫu nhiên” - random walk

Lý thuyết “bước đi ngẫu nhiên” cho rằng những biến động của giá là một chuỗi hoàn toàn độc lập và những biến động trong quá khứ của giá hoàn toàn không phải là một chỉ số đáng tin cậy cho việc dự đoán xu thế tương lai. Tóm lại biến động của giá là ngẫu nhiên và hoàn toàn không thể dự đoán được. Lý thuyết này dựa trên cơ sở lý thuyết “Thị trường hiệu quả”, trong đó cho rằng giá thị trường sẽ dao động xung quanh giá trị thực của nó. Thuyết này cũng cho rằng chiến lược đầu tư tốt nhất vào thị trường chỉ đơn giản là mua và nắm giữ, cũng có nghĩa là nó chống lại tất cả những cố gắng muốn “chiến thắng” thị trường. Lẽ dĩ nhiên trong bất kì thị trường nào cũng có những yếu tố ngẫu nhiên hay còn gọi là độ nhiễu, những rõ ràng nếu nói tất cả các biến động của giá đều là ngẫu nhiên thì khó có thể đồng tình. Đây có lẽ là một trong những phần mà những quan sát thực nghiệm, những kinh nghiệm thực hành có giá trị hơn những kĩ thuật thống kê công phu, kinh nghiệm là cái giúp cho mỗi người tự chứng minh cho suy nghĩ của riêng mình. Ở đây khái niệm ngẫu nhiên cần được hiểu đơn giản là việc không thể xác định được các hình mẫu kĩ thuật đã có trong hệ thống, tức là những hình mẫu đồ thị giá mà người ta dùng để dự đoán xu thế tương lai của giá là hoàn toàn không thể nhận ra được. Tuy nhiên cho dù kể cả những chuyên gia giảng dạy trong lĩnh vực trong

lĩnh vực này cũng đôi khi không thể xác định được sự xuất hiện của các hình mẫu kĩ thuật thì điều này cũng không có nghĩa là những hình mẫu giá đó không tồn tại.

Điều này dẫn ra một câu hỏi là liệu xu thế thị trường có thực sự có ích lợi với những người đang hàng ngày phân tích hay tham gia vào thị trường nơi những xu thế (nếu có) đang hiện diện thực tế. Nhưng nếu nhìn bất cứ một đồ thị nào ta đều có thể thấy một xu thế của giá. Làm sao những người ủng hộ cho thuyết “bước ngẫu nhiên” giải thích cho những xu thế giá này nếu giá là ngẫu nhiên liên tục - nghĩa là những gì xảy ra vào ngày hôm qua, vào tuần trước, ... đều không có ảnh hưởng vào những gì có thể xảy ra hôm nay và ngày mai? Làm sao họ giải thích được khả năng sinh lời thực tế của rất nhiều những chiến lược kinh doanh theo xu thế thị trường?

Và nhiều câu hỏi khác:

- Làm sao chiến lược mua và nắm giữ cổ phiếu có thể sử dụng trong thị trường giao dịch các hợp đồng tương lai, nơi mà việc xác định thời điểm tham gia và rút lui khỏi thị trường là yếu tố sống còn?
- Liệu những hợp đồng dài hạn có thể được nắm giữ suốt thời kì thị trường đi xuống?
- Làm sao nhà đầu tư có thể biết được sự khác biệt giữa một Bull Market và một Bear Market nếu như giá biến động hoàn toàn không theo qui luật và không theo xu thế nào?
- Thậm chí là có tồn tại Bull Market hay Bear Market hay không nếu không tồn tại các xu thế giá trên thị trường?

Khó có thể xác định liệu mọi kết quả thống kê có thể hoàn toàn chứng minh hay bác bỏ lý thuyết “bước ngẫu nhiên”. Dẫu sao thì ý tưởng thị trường mang tính ngẫu nhiên là hoàn toàn bị bác bỏ trong “cộng đồng Phân tích kỹ thuật”. Trong khi không thể bác bỏ tính hợp lý của việc tiếp cận thị trường theo khuynh hướng kĩ thuật thì bản thân thuyết “Thị trường hiệu quả” lại có nội dung rất gần với giả thuyết cơ bản của Phân tích kỹ thuật là “thị trường phản ánh tất cả”. Những nhà nghiên cứu cho rằng bởi vì thị trường phản ánh quá nhanh (gần như ngay lập tức) tất cả các thông tin nên không có cách nào để tận dụng ưu thế của thông tin trên thị trường. Cơ sở của Phân tích kỹ thuật như đã nói ở trên cho rằng những thông tin quan trọng về thị trường đều đã được phản ánh từ lâu trong các biến động giá trước khi nó được mọi người biết đến. Mọi chuyên gia đều cho rằng cần phải nghiên cứu và theo dõi kĩ biến động của giá chứ không thể dựa vào những thông tin tài chính căn bản để hi vọng kiếm lời.

Nhìn chung việc quan sát đồ thị và nhận thấy sự ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường chỉ xảy ra với những người không hiểu sâu sắc qui trình hoạt động của thị trường. *Nó cũng giống như một điện tâm đồ, với một người không được đào tạo thì anh ta sẽ hoàn toàn không biết ý nghĩa của nó là gì, nhưng với một bác sĩ thì lại khác, những đốm sáng tối trên đó chắc chắn sẽ cung cấp được rất nhiều thông tin.* Như thế sự cảm nhận về tính ngẫu nhiên hay tính nhiễu của thị trường sẽ dần mất đi khi trình độ phân tích biểu đồ của một người ngày càng tăng.

Phân tích kĩ thuật P.3

Các khái niệm và công cụ cơ bản sử dụng trong quá trình Phân tích kỹ thuật.

Các loại biểu đồ.

Hiện nay trên Thị trường chứng khoán các chuyên viên phân tích dùng rất nhiều các loại biểu đồ khác nhau để phân tích, trong đó có 3 loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất đó là: biểu đồ dạng đường (Line chart), biểu đồ dạng then chắn (Bar chart), biểu đồ dạng ống (Candlestick chart).

Biểu đồ dạng đường (Line chart).

Dạng biểu đồ này từ trước tới nay thường được sử dụng trên Thị trường chứng khoán, và cũng là loại biểu đồ được dùng một cách phổ biến nhất trong các ngành khoa học khác dùng để mô phỏng các hiện tượng kinh tế và xã hội...và nó cũng là loại biểu đồ được con người dùng trong thời gian lâu dài nhất. Nhưng hiện nay trên Thị trường chứng khoán do khoa học kỹ thuật phát triển, diễn biến của Thị trường chứng khoán ngày càng phức tạp cho nên loại biểu đồ này ngày càng ít được sử dụng nhất là trên các Thị trường chứng khoán hiện đại. Hiện nay nó chủ yếu được sử dụng trên các Thị trường chứng khoán mới đi vào hoạt động trong thời gian ngắn, khớp lệnh theo phương pháp khớp lệnh định kỳ theo từng phiên hoặc nhiều lần trong một phiên nhưng mức độ giao dịch chưa thể đạt được như Thị trường chứng khoán dùng phương pháp khớp lệnh liên tục. Ưu điểm của loại biểu đồ này là dễ sử dụng, lý do chính là vì nó được sử dụng trên tất cả các Thị trường chứng khoán trên khắp thế giới từ trước tới nay. Hiện nay loại biểu đồ này ít được sử dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại vì các Thị trường chứng khoán hiện đại ngày nay thường diễn biến khá phức tạp, mức độ dao động trong thời gian ngắn với độ lệch khá cao, nếu dùng loại biểu đồ này để phân tích thì thường mang lại hiệu quả thấp trong phân tích.

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng đường (line)



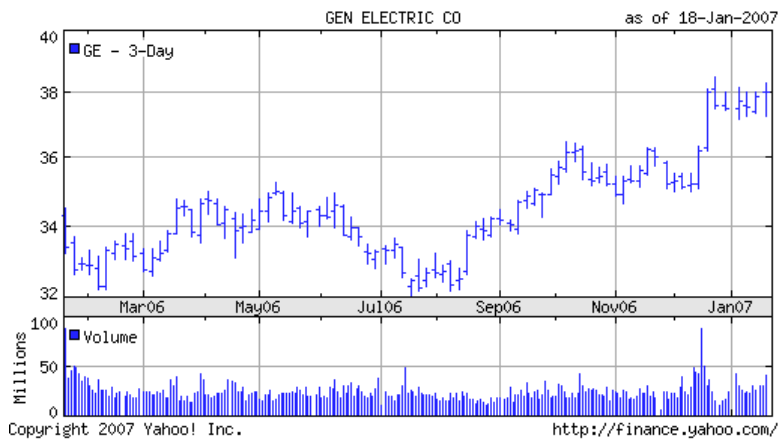
chart):

Đồ thị biến động VNIndex
(tính đến ngày 18/01/2007 - bsc.com.vn)

Hiện nay trên các Thị trường chứng khoán hiện đại đang dùng một số loại biểu đồ trong Phân tích kỹ thuật mang lại hiệu quả cao đó là Bar chart và Candlestick chart.

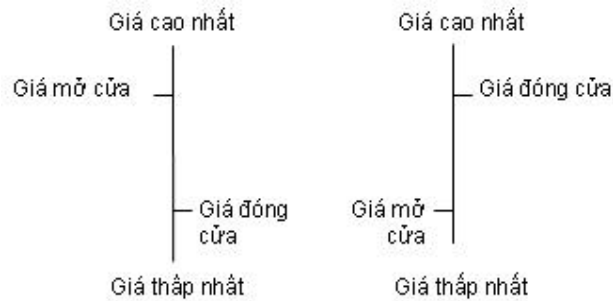
Biểu đồ dạng then chắn (Bar chart)

Ví dụ về dạng biểu đồ dạng then chắn (Bar chart):



Cổ phiếu General Electric

Trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên thế giới hiện nay các chuyên viên phân tích thường dùng loại biểu đồ này trong phân tích là chủ yếu lý do chính vì tính ưu việt của nó đó là sự phản ánh rõ nét sự biến động của giá chứng khoán. Hai ký tự mà dạng biểu đồ này sử dụng đó là:



loại biểu đồ này thường được áp dụng để phân tích trên các Thị trường chứng khoán hiện đại khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh liên tục, độ dao động của giá chứng khoán trong một phiên giao dịch là tương đối lớn.

Biểu đồ dạng ống (Candlestick chart)

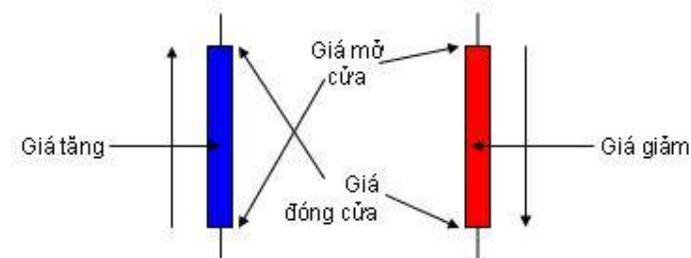
Ví dụ về dạng biểu đồ dạng ống (Candlestick chart):



Đồ thị biến động giá của YAHOO, 18/1/2007
 (nguồn: <http://www.stockcharts.com>)

Đây là dạng biểu đồ cải tiến của biểu đồ dạng then chắn (Bar chart), nó được người Nhật Bản khám phá và áp dụng trên Thị trường chứng khoán của họ đầu tiên. Giờ đây nó đang dần được phổ biến hầu hết trên các Thị trường chứng khoán hiện đại trên toàn thế giới. Dạng biểu đồ này phản ánh rõ nét nhất về sự biến động của giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán khớp lệnh theo hình thức khớp lệnh định kỳ.

Hai ký tự mà loại biểu đồ này sử dụng là:



Hi, trong lúc tác giả còn chưa kịp trả lời, mình xin góp chút kiến thức về biểu đồ dạng nến, hy vọng hỗ trợ được PhúcTran.

Biểu đồ nến có thể được coi là dạng biểu đồ phổ biến nhất, lâu đời nhất của ngành phân tích kỹ thuật tại Nhật Bản. Ghi nhận lịch sử cho thấy biểu đồ nến có từ trước khi biểu đồ điểm và biểu đồ dạng thanh chắn ra đời. Người Nhật Bản đã nhận thức về tầm quan trọng của phương pháp phân tích kỹ thuật từ rất lâu. Nhiều tài liệu còn cho rằng người Nhật mới là những người đầu tiên tiến hành giao dịch hợp đồng tương lai với hàng hóa. Vào những năm 1600, người Nhật đã thực hiện các giao dịch với hợp đồng “gạo rỗng” – ám chỉ những hợp đồng giao dịch gạo nhưng lại không hề có gạo thực – hay chính là khái niệm hợp đồng tương lai với gạo mà chúng ta áp dụng ngày nay. Thị trường giao dịch chính hợp đồng tương lai khi đó là Osaka. Hoạt động thương mại ở thành phố này vào giai đoạn đó có vai trò đến mức người ta hay có câu chào nhau “mokariamakka” – có nghĩa là “Anh có kiếm được khoản lợi nào mới không?” [tiếng Anh là Are you making a profit?] - câu nói này vẫn còn thông dụng cho đến ngày nay.

Quay trở lại với biểu đồ hình nến – Candlestick



Phần rộng nhất của một “cây nến” gọi là “thân” của nến. Phần này mô tả thể hiện khoảng cách giữa giá mở cửa và giá đóng cửa của phiên. Nếu giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa, phần thân có màu xanh, ngược lại sẽ có màu đỏ. Phần đường thẳng “mỏng” phía trên và phía dưới gọi là “bóng” – thể hiện các mức giá cực điểm của phiên: cao nhất và thấp nhất. Rõ ràng những mức giá này có thể nhưng không nhất thiết phải là giá đóng cửa hay giá mở cửa của phiên. Người ta đặt tên nó là biểu đồ nến bởi phần thân với phần đường thẳng giá cực điểm cho ta hình ảnh cây nến và phần bắc để đốt cháy của nó.

Một trong những hiệu quả cơ bản của dạng biểu đồ này khiến cho người sử dụng ưa thích là khả năng biểu đạt nhiều thông số bằng chính hình vẽ. Chẳng hạn, thông qua

màu ta có thể biết tình hình chung thị trường, thông qua độ dài thân, độ dài các bắc, ta có thể biết tình hình giá giao dịch. Ngoài ra dạng biểu đồ này cũng có thể áp dụng cho mọi loại biểu đồ: liên tục và định kỳ, theo phút, hàng ngày hoặc hàng tháng. Những biến dạng khác nhau của mỗi cây nến phản ánh những đặc trưng khác nhau của tình hình thị trường. Chẳng hạn biểu đồ dạng Doji (phiên âm từ do-gee) có dạng như ô tròn mình khoanh thêm.

Với dạng biểu đồ này, giá đóng cửa trùng với giá mở cửa, do đó mà ta sẽ hầu như không thấy thân nến mà chỉ thấy bắc nến. Ở đây cũng sẽ có trường hợp giá mở cửa bằng giá đóng cửa và bằng giá thấp nhất hoặc cao nhất trong ngày.

Với biểu đồ mà phuctran hỏi, đầu tiên cần nắm được người vẽ đa quy ước về màu sắc như thế nào. Hình 1 là dạng điển hình của biểu đồ dạng thức hình búa, có nghĩa là giá đóng cửa bằng giá cao nhất (ở đây mình giả định màu xanh là tăng giá), giá mở cửa cao hơn giá thấp nhất trong phiên. Các hình 2 và 3 thì không thấy nhắc đến trong khái niệm biểu đồ nến chuẩn, có thể đây là dạng biến thể, hoặc cũng có thể số liệu nhập đầu vào của Metastock không chuẩn. Một biểu đồ chuẩn là biểu đồ mà admin đưa ra với cổ phiếu Yahoo. Bạn sẽ không thấy có hình vẽ nào giống với hình bạn khoanh tròn 2 và 3.

Những cái tên mà người Nhật đặt cho các dạng thân nến cũng rất sáng tạo và giàu tính biểu tượng như:

- Biểu đồ hình búa: phần thân nến ở trên cùng, trùng vào giá cao nhất, bên dưới là đường bắc khá dài thể hiện giá thấp nhất, dạng biểu đồ này xuất hiện sau đợt giá xuống;
- Biểu đồ hình người đàn ông treo cổ. Hình mẫu này giống hệt hình mẫu cái búa, điểm khác biệt cơ bản và duy nhất là biểu đồ hình người treo cổ chỉ xuất hiện sau một đợt thị trường tăng trưởng dài;
- Hình mẫu sao băng;
- Hình mẫu sao mai;
- Hình mẫu sao hôm;
- ...

Tạm có vài dòng trao đổi với bạn về lịch sử loại biểu đồ bạn đang quan tâm. Về câu hỏi của bạn, mình nghĩ đến đây là hiểu được.

Phân tích kỹ thuật - P.4

Xu thế, Đường xu thế, Kênh

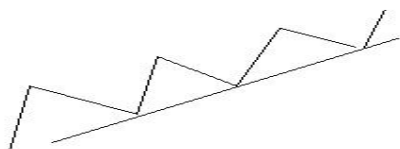
Xu thế

Khái niệm xu thế sẽ được giới thiệu kĩ hơn trong phần Lý thuyết Dow. Xu thế gồm có cả xu thế giá tăng và xu thế giá giảm. Xu thế giá tăng gồm liên tiếp những đỉnh giá cao dần và đáy giá cao dần (đỉnh trước cao hơn đỉnh sau và đáy trước cao hơn đáy sau). Một xu thế giá tăng sẽ được coi là vẫn duy trì cho đến khi xuất hiện một đáy mới thấp hơn đáy trước nó. Ngược lại xu thế giá giảm cũng sẽ được coi là vẫn đang tiếp diễn cho đến khi xuất hiện một đỉnh mới cao hơn đỉnh trước nó.

Đường xu thế

Xu thế giá tăng và xu thế giá giảm cũng được nghiên cứu dưới dạng các đường xu thế. Với xu thế giá tăng ta có đường xu thế giá tăng, đây là đường nối các điểm đáy cao dần lên và đường xu thế giảm là đường nối các đỉnh thấp dần. Đường xu thế có thể kéo dài thậm chí nhiều năm. Quy trình vẽ một đường xu thế khá đơn giản nhưng cũng rất dễ nhầm. Điều căn bản là phải có những dấu hiệu chắc chắn về sự xuất hiện một xu

thể giá. Khi muốn vẽ một xu thế giá tăng ta phải có ít nhất hai điểm đáy mà đáy sau cao hơn đáy trước. Tất nhiên điều kiện cần và đủ để có thể vẽ được một đường thẳng là phải có hai điểm, tuy nhiên người ta thường đợi cho đến khi xuất hiện một đáy thứ ba cao hơn hai đáy trước và đường xu thế đi qua cả 3 đáy (một cách tương đối). Điều này có nghĩa là đường xu thế có thể không đi qua đáy thứ ba mà chỉ đi sát, nhìn chung như thế là đạt yêu cầu. Nhưng một đường xu thế đi qua cả đáy bao giờ cũng được coi là một đường xu thế chính xác và có độ tin cậy cao.

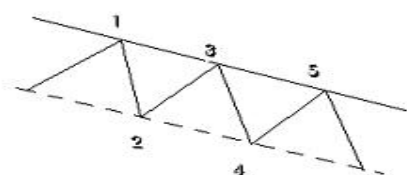


Khi một đường xu thế đã được xác nhận về độ chính xác thì nó sẽ trở nên rất hữu ích bởi tính chính xác ấy đảm bảo chắc chắn hướng chuyển động ổn định của giá. Với xu thế giá tăng, sau mỗi đợt tăng biến động điều chỉnh xuất hiện sẽ kéo giá xuống sát hoặc đến đúng đường xu thế nhưng sẽ không xuống thấp hơn nếu xu thế thị trường vẫn đang ổn định. Đường xu thế lúc này là biên thấp nhất của dao động giá. Tương tự, với thị trường đang có xu thế giá giảm thì đường xu thế sẽ là biên cao nhất cho mọi dao động giá. Như thế, các đường xu thế chính xác của thị trường sẽ là các biên dao động cơ sở để xác định mức giá mua và bán tối đa và tối thiểu hợp lý.

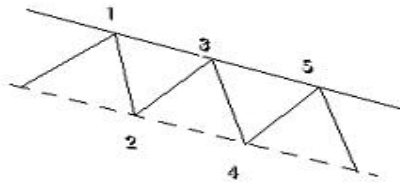
Nếu chuyển động của đồ thị vượt lên đường xu thế giảm hoặc xuống dưới đường xu thế giá tăng thì đây là dấu hiệu, có thể nói là sớm nhất, cho sự thay đổi trong xu thế thị trường.

Kênh

Kênh là khoảng giao động của giá, nếu giá sẽ dao động trong một dải thì dải đó gọi là kênh. Dải dao động đó được xác định bởi hai đường biên là đường xu thế và đường kênh (channel line), hai đường này song song với nhau. Vấn đề là làm sao có thể xác định được hai đường này.



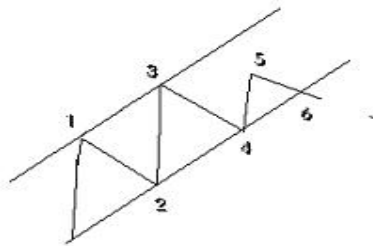
Sau khi đã xác định được đường xu thế như trên, giả sử với xu thế giá tăng, ta vẽ đường kênh là một đường song song với đường xu thế và đi qua đỉnh giá rõ nhất đầu tiên. Nếu ở lần tăng giá tiếp theo giá tăng đến gần hoặc chạm vào đường kênh rồi lại giảm xuống đến gần đường xu thế thì khả năng có thể tồn tại một kênh dao động của giá. Với xu thế giá giảm việc vẽ và xác định kênh là hoàn toàn tương tự, tất nhiên là theo hướng ngược lại.



Mỗi lần giá chạm vào hoặc đến gần đường kênh rồi quay trở lại xuống đến đường xu thế là một lần kênh được kiểm tra thành công. Kênh tồn tại càng lâu với càng nhiều lần thử thành công thì vai trò cũng như độ tin cậy của nó càng lớn. Kênh có thể sử dụng cho kiếm lời trong ngắn hạn và thậm chí một số nhà đầu tư táo bạo còn sử dụng đường kênh để tiến hành những giao dịch ngược hướng với xu thế thị trường nhằm tìm kiếm những khoản lợi lớn hơn cho dù giao dịch ngược hướng thị trường có thể là một chiến thuật nguy hiểm và phải trả giá đắt.

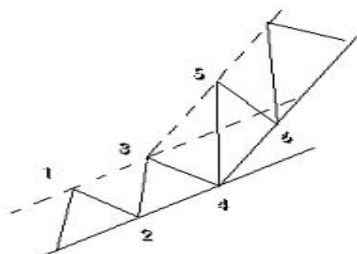
Khi chuyển động của giá trên thị trường phá vỡ đường xu thế thì có thể gây ra sự đảo chiều của xu thế thị trường, nhưng nếu đường kênh bị chuyển động của giá phá vỡ (khi giá vượt ra ngoài đường kênh) thì tác động lại hoàn toàn ngược lại: đây là dấu hiệu cho sự gia tăng sức mạnh của xu thế hiện tại, thậm chí một số nhà đầu tư tin tưởng rằng việc giá chuyển động làm mất đi đường kênh sẽ xác nhận cho một xu thế ổn định trong thời gian dài và là cơ hội cho những nhà đầu tư thực hiện những hợp đồng dài hạn.

Ngược lại, khi giá không lên được đến đường kênh mà quay ngược trở lại quá sớm thì đây lại là dấu hiệu dự báo sớm sự suy giảm của xu thế hiện tại và là dấu hiệu cho thấy có thể chuyển động của giá sẽ phá vỡ đường xu thế.

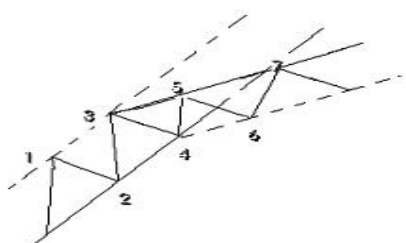


Nói chung việc chuyển động của giá không thể đạt đến sát một trong hai đường biên của kênh có thể là một dấu hiệu sớm cho thấy xu thế giá có thể thay đổi và khả năng chuyển động của giá có khả năng sẽ phá vỡ đường biên còn lại của kênh. Với xu thế giá tăng, có thể có hai trường hợp (trong các hình vẽ ở hai trường hợp này ta giả định ban đầu kênh đang có xu thế hướng lên- xu thế tăng giá, hoàn toàn tương tự nếu muốn xem xét đối với xu thế giá giảm).

Nếu chuyển động của giá vượt qua đường kênh một khoảng lớn thì đây là dấu hiệu cho thấy xu thế lên giá đang mạnh lên, thường ta sẽ phải vẽ một đường xu thế mới dốc hơn từ điểm đáy cuối cùng song song với đường kênh mới. Thực tế cho thấy đường xu thế mới này hoạt động tốt hơn đường cũ.



Nếu giá không đạt được đến đường kênh và chuyển động phá vỡ đường xu thế thì điều này chỉ ra rằng xu thế thị trường đối chọi thành xu thế giá giảm. Hai đỉnh mới xuất hiện (đỉnh 5 và 7) sẽ là cơ sở để vẽ đường xu thế giá giảm, tương tự ta sẽ vẽ đường kênh song song đường xu thế và đi qua đáy 4. Chú ý là ở đây có sự đổi vai trò đường xu thế ban đầu trở thành đường kênh và ngược lại.



Ngoài ra kênh và các đường kênh còn mang một ý nghĩa khác: Khi giá chuyển động phá vỡ xu thế hiện tại - xuất hiện 'breakout' từ kênh hiện tại, giá thường sẽ chuyển động một khoảng bằng với độ rộng của kênh đó.

Như thế, để xác định điểm dừng của chuyển động này ta có thể tính tương đối chính xác bằng cách đo độ rộng của kênh vừa bị phá vỡ và dự kiến điểm dừng từ điểm giá vượt ra ngoài kênh (Tuy nhiên cần luôn luôn lưu ý rằng trong hai đường biên của kênh thì đường xu thế luôn có vai trò quan trọng và đáng tin cậy hơn, đường kênh chỉ là một công cụ kỹ thuật xuất phát từ đường xu thế).

Phân tích kỹ thuật P.5

Mức hoàn lại - Khung giao dịch - Hỗ trợ và Kháng cự

Mức hoàn lại.

Trong bất kỳ một đồ thị nào ta đều thấy sau một giai đoạn giá chuyển động theo xu thế của thị trường thì giá sẽ hoàn lại một chút trước khi quay trở lại chuyển động theo xu thế cũ. Những chuyển động ngược xu thế này thường có độ lớn ở vào những khoản có thể dự đoán được và được gọi là mức hoàn lại. Mức hoàn lại trung bình thường gặp nhất là 50%. Bên cạnh đó còn có các mức hoàn lại thường thấy khác đó là các mức 1/3 và 2/3. Nói cách khác, nếu chia một xu thế giá thành ba phần thì nói mức hoàn lại thấp nhất là 33% và cao nhất là 66% có nghĩa là ở giai đoạn điều chỉnh của xu thế đó giá sẽ hoàn lại ít nhất 1/3 mức tăng (hay giảm) mà nó đạt được trong xu thế trước đó và mức hoàn lại đó không vượt quá 2/3 mức tăng (hay giảm) trước đó đạt được. Nếu mức hoàn lại cao hơn thì khả năng sẽ xảy ra sự đảo chiều thị trường tức là giá sẽ chuyển động theo xu thế đảo ngược xu thế trước mà không quay lại chuyển động theo xu thế đó.

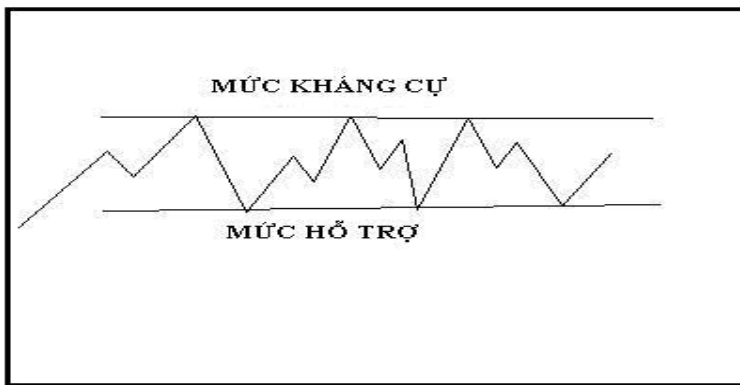
Khung Giao Dịch.

Thị trường có thể ở một trong 3 xu thế là xu thế tăng, xu thế giảm và xu thế dao động ngang. Nhiều người cho rằng thị trường chỉ có thể tăng hoặc giảm, nhưng thực tế có đến 1/3 thời gian giá chuyển động theo một hình mẫu dạng 'phẳng' nằm ngang gọi là khung giao dịch. Khung giao dịch là một dải nằm ngang trên đồ thị trong đó bao gồm các dao động của giá trong một giai đoạn dài. Nói chung hầu hết các biến động của thị trường sẽ diễn ra bên trong khung giao dịch. Tuy nhiên khi thị trường có biến động dạng khung giao dịch thì lại rất khó kiếm được lợi nhuận. Khung giao dịch phản ánh thời kỳ mà áp lực cung cầu là tương đối cân bằng và giá duy trì ở mức cân bằng thị trường. Đôi khi người ta còn gọi thời kỳ mà giá biến động theo khung giao dịch là thời kỳ không có xu thế thị trường. Hầu hết các công cụ kinh tế đều được tạo ra để có thể áp dụng vào các thị trường có xu thế tăng hoặc giảm rõ rệt còn khi thị trường ở dạng không có xu thế rõ rệt thì các công cụ này nhìn chung hoạt động kém hiệu quả, thậm chí là không thể áp dụng. Đây cũng chính là thời kỳ gây khó chịu nhất cho những người đi theo Phân tích kỹ thuật và gây ra nhiều lỗ nhất. Trong những tình huống ấy nhà đầu tư luôn phải đối mặt với một trong ba quyết định là mua, bán hay đứng ngoài không tham gia vào thị trường và thông thường thì quyết định không tham gia vào thị trường luôn là quyết định sáng suốt nhất.

Thực tế cũng có một số phương pháp có thể áp dụng để kiếm lời khi thị trường xuất hiện dạng khung giao dịch, chẳng hạn như sử dụng các chỉ số dao động thị trường (Oscillators) mà ta sẽ nghiên cứu ở phần sau. Nhìn chung rất khó có thể dự đoán sự xuất hiện trong tương lai của mô hình khung giao dịch. Mô hình này cũng có thể kéo dài trong nhiều tháng, một năm hay nhiều năm. Cũng giống như kênh, khung giao dịch cũng có các đường biên bên trên và bên dưới, đây chính là các đường kháng cự và hỗ trợ của khung (ta sẽ nghiên cứu về kháng cự và hỗ trợ ở phần sau). Những "sự phá vỡ" (break out) ra ngoài khung có thể là các dấu hiệu quan trọng để tiến hành các giao dịch. Tuy nhiên cũng cần lưu ý bởi giá cũng thường dao động vượt ra ngoài khung nhưng chỉ với một lượng nhỏ, sau đó quay trở lại bên trong khung. Đôi khi nguyên nhân của hiện tượng này là do những lệnh dừng mà nhà đầu tư đã đặt và những lệnh này tác động đến những vùng giá nằm ngoài khung. Khi những lệnh này kết thúc thì giá sẽ trở lại dao động bên trong khung giao dịch nếu không có những lý do liên quan đến những yếu tố tài chính cơ bản hay có sự xuất hiện khối lượng giao dịch lớn duy trì sự vượt ra ấy. Nhìn chung nhà đầu tư không nên đi theo ngay những "breakout" mới xuất hiện mà nên chờ thêm một dao động tiếp theo xác nhận "breakout" này cho dù điều này có thể làm chậm lại một chút nhưng sẽ tránh được rất nhiều dấu hiệu sai và tránh được những khoản lỗ.

Hỗ trợ và kháng cự

Việc nghiên cứu về mức hỗ trợ và kháng cự là một trong những vấn đề khá quan trọng đối với Phân tích kỹ thuật. Nó cho phép người nghiên cứu có thêm những cơ sở mới trong việc chọn các loại cổ phiếu để mua hay bán, trong dự đoán các biến động tiềm năng, trong việc chỉ ra những thời điểm mà thị trường có thể gây ra rắc rối cho nhà đầu tư. Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư có kinh nghiệm đã xây dựng cho họ một "hệ thống đầu tư" riêng dựa hầu hết vào những nguyên lý về mức kháng cự và hỗ trợ. Việc nghiên cứu về mức kháng cự và hỗ trợ một cách đầy đủ cần rất nhiều thời gian và cần thêm nhiều yếu tố khác, người viết chỉ xin đưa ra một số khía cạnh cơ bản nhất với mục đích đưa ra cơ sở lý thuyết cơ bản nhất về khái niệm quan trọng này của Phân tích kỹ thuật.



Mức kháng cự và hỗ trợ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu phân tích các hình mẫu kỹ thuật. Những kiến thức cơ bản về mức kháng cự và hỗ trợ sẽ giúp người nghiên cứu dễ dàng hiểu bản chất và các ứng dụng của các hình mẫu đó.

Mức hỗ trợ thường được dùng khá thông dụng. Trên thị trường phố Wall, bạn có thể nghe thấy việc một nhóm nhà đầu tư luôn sẵn sàng hỗ trợ thị trường bằng cách mua tất cả các chứng khoán chào bán nếu giá giảm 5 điểm. Vậy mức hỗ trợ là gì? Ta có thể định nghĩa mức hỗ trợ là việc mua thực tế hay khả năng mua với khối lượng đủ để làm ngưng lại xu thế giảm của giá trong một thời kỳ đáng kể (tương đối dài). Mức kháng cự lại ngược lại với mức hỗ trợ: đó là việc bán, trong thực tế hay tiềm năng, một khối lượng đủ để thỏa mãn tất cả các mức chào mua, do đó, làm giá ngừng không tăng nữa trong một khoảng thời gian nhất định. Như thế mức kháng cự và hỗ trợ là gần giống theo thứ tự với khối lượng cầu và khối lượng cung. Mức hỗ trợ là mức giá ở đó mức cầu cho một cổ phiếu là đủ để, ít nhất là, làm dừng xu thế giảm giá của thị trường và cũng có thể đổi chiều xu thế đó, tức là làm xu thế giá đi xuống quay ngược đi lên. Từ đó ta có định nghĩa về mức kháng cự, đó là mức giá mà ở đó lượng cung đủ để giá sẽ ngừng không tăng nữa và có thể chuyển động ngược lại đi xuống. Theo lý thuyết thì mỗi mức giá có một lượng cung và cầu nhất định. Nhưng khoản hỗ trợ thể hiện sự tập trung của cầu còn khoảng kháng cự thể hiện sự tập trung của cung. Như vậy với một hình mẫu giá nhất định, chẳng hạn ta xét với hình mẫu dạng hình chữ nhật (mô hình này phản ánh giai đoạn thị trường gồm rất nhiều những dao động nhỏ của giá theo hướng ngang đồ thị chứ không hướng lên hay hướng xuống rõ rệt, hai đường nối các đỉnh và các đáy của thị trường trong giai đoạn này gần như song song, không cần thiết phải song song 100% nhưng độ lệch phải rất nhỏ, hay có thể nói là một dạng của khung giao dịch), đường nối các đỉnh có thể coi là mức kháng cự, còn đường nối các đáy được coi là mức hỗ trợ.

Nhìn chung trong giai đoạn hai mức này còn phát huy hiệu lực thì giá sẽ không vượt quá mức kháng cự và không xuống dưới mức hỗ trợ. Nhưng với tư cách một nhà đầu tư ta sẽ quan tâm hơn đến việc xác định tại sao và yếu tố nào làm xuất hiện các mức kháng cự và hỗ trợ ở một mức giá nhất định. Các chuyên gia còn tập trung nghiên cứu thời điểm giá lên đạt đến mức kháng cự và khi nào giá xuống đến mức hỗ trợ.

Cơ sở của những dự đoán này cũng là những dữ liệu cơ bản hình thành nên lý thuyết về hỗ trợ và kháng cự, đó là khi giá trị giao dịch có xu hướng bị tập trung tại một số mức giá có khối lượng các cổ phiếu được giao dịch lớn. Điều đáng chú ý là tại bất kỳ mức giá nào xuất hiện mức khối lượng giao dịch lớn thường đều trở thành điểm đảo chiều đối với xu thế hiện tại của thị trường và mọi điểm đảo chiều đều có xu hướng lặp đi lặp lại thường xuyên và hoàn toàn mang tính tự nhiên. Có một thực tế quan trọng mà nhiều khi một số người quan sát và phân tích biểu đồ một cách ngẫu nhiên không nhận ra đó là: những mức giá đó đang dần dần chuyển vai trò từ hỗ trợ thành kháng cự và ngược lại từ kháng cự thành hỗ trợ. Nếu như biến động của giá vượt qua một đỉnh giá đã được hình thành trước đó thì đỉnh này sẽ đóng vai trò là khoảng đáy của xu thế

giảm giá (điều chỉnh) sẽ xuất hiện sau xu thế tăng hiện tại và một đáy sau khi đã bị giá vượt xuống dưới sẽ trở thành khoảng đỉnh của xu thế tăng sẽ xuất hiện ngay sau đó.

Quá trình hình thành một xu thế thông thường.

Ta sẽ xem xét các ví dụ:

Giả sử một cổ phiếu đang trong xu thế tăng mạnh và tăng từ mức giá 12 lên đến 24, đồng thời trên thị trường cũng đang có một khối lượng cổ phiếu lớn đang được chào bán. Kết quả của việc này là thị trường có thể phản ứng và hình thành một xu thế điều chỉnh trung gian (tạm thời), làm giá giảm xuống còn 18, hoặc cũng có thể phản ứng của thị trường làm xuất hiện hàng loạt những dao động nhỏ quanh mức, chẳng hạn, từ 24 xuống đến 21 tạo thành một dạng hình mẫu mang tính củng cố xu thế hiện tại. Sau thời gian điều chỉnh hoặc củng cố này sẽ xuất hiện một đợt tăng giá mới và đưa giá lên đến 30, tại đó cung lại đầy và dư, làm ngưng lại đợt tăng giá này. Lúc đó lại có thể xuất hiện một trong hai dạng mô hình điều chỉnh hay củng cố. Nếu xảy ra điều chỉnh, câu hỏi đặt ra là xu thế giảm tạm thời này sẽ xuất hiện ở mức nào? Câu trả lời là mức giá 24, đây là đỉnh đầu tiên của xu thế tăng giá chính (cấp 1) trên thị trường - mức giá này thấp hơn mức giá hiện tại và tại đó lại xuất hiện tổng giá trị giao dịch rất lớn. Khi đó nó đóng vai trò và hoạt động như một mức kháng cự, tạo ra sự ngưng tăng hay đảo chiều của đợt tăng giá đầu tiên. Sau khi bị vượt qua thì vai trò của nó lại là mức hỗ trợ, làm ngưng hay có thể đảo chiều, dù rất ít xu thế giảm giá đang diễn ra trên thị trường.

Một ví dụ tương tự đưa ra với một cổ phiếu đang trong xu thế giá giảm. Giả sử cổ phiếu đang ở một đỉnh lớn của toàn thị trường ở mức giá 70, giá giảm xuống còn 50. ở tại mức 50 xuất hiện một đỉnh điểm diễn ra các giao dịch nhưng chỉ mang tính tạm thời. Thị trường có tổng khối lượng giao dịch lớn, giá tăng lên, có thể lại trượt xuống một chút như một dạng kiểm tra mức giá 50 có thực sự là một điểm dừng quan trọng của thị trường hay không. Sau đó xuất hiện giai đoạn hồi phục đưa giá lên 60. Tại mức 60 sức mua yếu dần, xu thế giá đảo lại và đi xuống, giá sẽ giảm mạnh hơn ở đợt giảm mới này và làm xuất hiện một mức đáy thấp hơn là 42. Đến đây, lặp lại thời kỳ trước, nhu cầu mua lại tăng lên và lại xuất hiện quá trình hồi phục lần hai. Chúng ta có thể tự tin chờ đợt hồi phục từ mức giá 42 này lên sẽ tăng lên đến mức kháng cự (đã được kiểm tra là “mạnh”) đó là mức giá 50. ở đợt giảm lần đầu mức giá này đóng vai trò mức hỗ trợ, bây giờ nó đóng vai trò mức kháng cự, mức đáy lúc trước trở thành mức đỉnh của thị trường.

Vậy ta đặt ra câu hỏi tại sao có sự chuyển vai trò ở hai ví dụ trên? Ta bắt với ví dụ thứ 2 trước. Giá đầu tiên giảm xuống đến 50 và xuất hiện khối lượng giao dịch tương đối lớn, rồi lại đảo chiều tăng lên 60 nhưng lực tăng yếu dần. Ở mức giá 50, rất nhiều cổ phiếu đã được giao dịch, với mỗi người bán đều có ít nhất một người mua tương ứng. Một số người đã mua nhưng với chủ định nắm giữ trong ngắn hạn và đã bán đi, bây giờ họ không còn quan tâm đến loại cổ phiếu này. Một số khác là những nhà đầu tư ngắn hạn và thậm chí cả một số chuyên gia có thể đã mua ở mức giá 50 bởi đơn giản là họ thấy thị trường đang ở một mức đáy tạm thời và mua với mong muốn kiếm lãi khi giá tăng lên theo dự kiến của họ, hoàn toàn có thể giả sử họ đã thực hiện được mục đích của mình và đã thoát ra khỏi thị trường trước khi giá tụt xuống dưới mức 50. Với đa số những nhà đầu tư còn lại, quyết định mua của họ là do họ thấy mức giá 50 là mức giá thấp đủ thỏa mãn họ bởi chỉ vài tháng trước giá cổ phiếu được bán trên mức 70, rõ ràng 50 là một mức giá hời, đồng thời họ cũng cho rằng giá sẽ lại lên và lên nữa trong thời gian dài.

Nhưng hãy đặt mình vào vị trí của những người vừa mua cổ phiếu đó. Họ nhìn thấy giá tăng hàng ngày, lên 55 rồi lên 58 rồi đến 60, những nhận định của họ lúc trước có vẻ đúng và họ vẫn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu. Rồi xu thế tăng này yếu đi, giá lại giảm xuống còn 57, 55 rồi 52 rồi lại về 50. Họ có lo lắng một chút những rồi lại vẫn cho rằng

50 là mức rất rẻ, vẫn hời, đặc biệt khi thị trường dừng lại ở mức giá 50 trong một thời gian ngắn.

Rồi giá lại giảm tiếp phá vỡ mức giá 50. Lúc đầu có thể họ vẫn hi vọng đây chỉ là mức giảm tạm thời, là một chút biến động của giá và thị trường sẽ hồi phục nhanh chóng. Thế nhưng hi vọng ấy mất đi khi xu thế giảm giá vẫn tiếp tục và không hề tỏ ra là sẽ có điều chỉnh. Những nhà đầu tư bắt đầu tỏ ra lo lắng, có điều gì đó không ổn đã xảy ra. Cho đến khi giá giảm còn 45, mức giá hời lúc trước không còn là một quả cam ngọt nữa mà là một quả chanh.

Với ví dụ thứ nhất về xu thế tăng giá của thị trường. Khi giá tăng từ 12 đến 24 các nhà đầu tư đều cho rằng 24 là mức giá tương đối cao so với 12 (mức giá mà họ đã mua vào) do đó họ bán, khi mà sau đó giá giảm xuống một chút đến 20, họ đều tự chúc mừng cho sự sáng suốt của mình. Nhưng rồi xu thế giá lại đảo chiều, giá tăng vọt lên 30, họ sẽ không còn cảm thấy như vậy nữa. Họ ước gì mình vẫn nắm giữ cổ phiếu đó và có thể muốn mua lại cổ phiếu này, tất nhiên là không mua cao hơn 24, rõ ràng nếu giá giảm xuống còn 24 sẽ có rất nhiều nhà đầu tư lại mua vào với hi vọng kiếm lời nhiều hơn.

Những ví dụ trên đây phản ánh một cách chung nhất tâm lý của những nhà đầu tư trên thị trường và tác động của họ tới việc hình thành cũng như sự chuyển vai trò của mức kháng cự và hỗ trợ. Qua đó ta cũng nhận thấy rằng tại một mức giá kháng cự hay hỗ trợ, nếu giá dao động quanh nó càng lâu thì vai trò và sức mạnh của nó càng lớn và một xu thế giá phải thực sự mạnh mới có thể phá vỡ hay vượt qua được nó. Một mức kháng cự hay hỗ trợ được duy trì càng lâu thì những biến động có khả năng vượt qua nó càng có ý nghĩa và có thể được coi là những dấu hiệu cho những biến động lớn của thị trường.

Thêm một nhận xét nữa là khối lượng giao dịch cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong xác định các mức kháng cự và hỗ trợ. Nếu mức kháng cự hay hỗ trợ hình thành mà không có dấu hiệu gì về sự thay đổi trong khối lượng giao dịch thì mức độ tin cậy cũng như độ bền vững của chúng là không cao. Trái lại nếu một mức hỗ trợ chẳng hạn được hình thành với khối lượng giao dịch rất lớn, điều này có nghĩa là tại đó nhu cầu giao dịch là rất lớn, rõ ràng mức độ phản ánh cũng như ý nghĩa của nó là cao và quan trọng hơn nhiều

Phân tích kỹ thuật P.6

Các hình mẫu kỹ thuật (Chart Patterns)

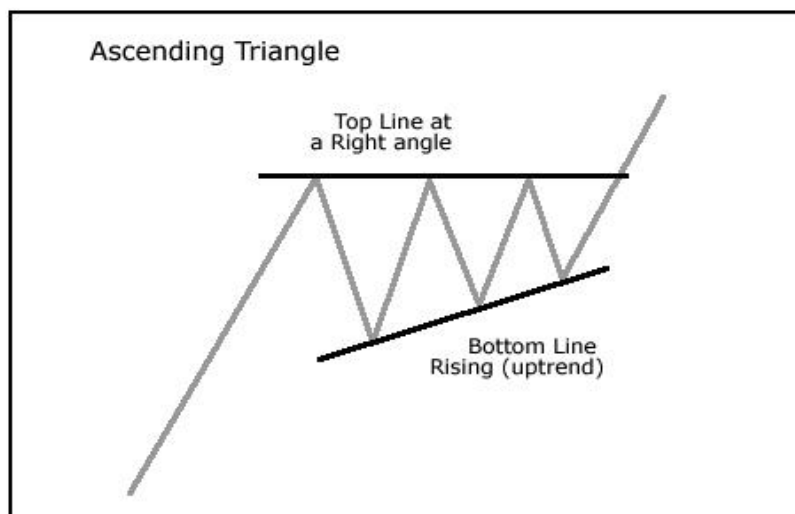
Hình mẫu kỹ thuật hay còn gọi là các mô hình giá hoặc hình mẫu giá là các “bức tranh” hay các mô hình biến động nhất định của giá xuất hiện trên biểu đồ giá thị trường. Trong Phân tích kỹ thuật, các hình mẫu kỹ thuật có vai trò vô cùng quan trọng bởi mục tiêu sau cùng của các nhà phân tích là tìm ra được sự lặp lại của một dạng biến động nhất định của giá đã xuất hiện trong quá khứ ở hiện tại và tận dụng những kinh nghiệm có được trong quá khứ về mô hình này cũng như những kết quả đã thống kê được để có một phương án tốt nhất cho quyết định đầu tư trong hiện tại.

Hình mẫu kỹ thuật dù được áp dụng khá rộng rãi với nhiều đối tượng chứ không chỉ riêng chứng khoán chẳng hạn như áp dụng trong các giao dịch ngoại hối, trong phân tích các thị trường Futures của các hàng hoá thông thường,... và còn áp dụng trong cả dài hạn lẫn ngắn hạn, tuy nhiên ta có thể phân chia một cách tổng thể nhất thành hai loại là mô hình mang tính củng cố hay duy trì xu thế hiện tại của thị trường và mô hình làm đảo chiều xu thế hiện tại.

Dưới đây ta cũng chỉ nghiên cứu được những mô hình chủ yếu và quan trọng nhất trong phân tích kỹ thuật còn rất nhiều dạng khác đều là biến thể của các dạng cơ bản này.

Ascending triangle - Tam giác hướng lên

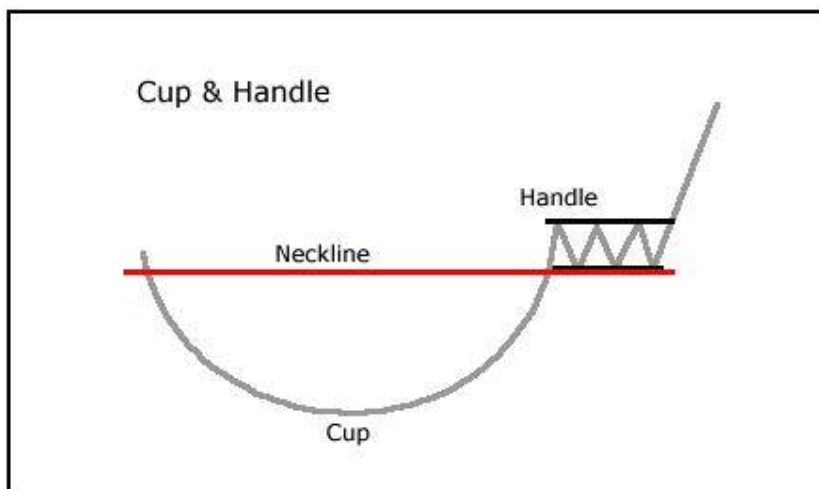
Mô hình tam giác hướng lên nhìn chung được coi là một dạng mô hình trung gian mang tính củng cố hay báo hiệu sự tiếp tục xu thế hiện tại của thị trường. Tuy nhiên đôi khi nó cũng mang tính đảo ngược. Thường thì mô hình này cần ít hơn ba tháng để hoàn thiện và khi xuất hiện thường kèm theo sự gia tăng của khối lượng giao dịch. Với mô hình này ta có thể nhận thấy sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ thể hiện bằng sự thu hẹp khoảng cách giữa các đỉnh và các đáy của thị trường, kéo dài hai đường kháng cự và hỗ trợ chúng sẽ cắt nhau ở đỉnh tam giác ở phía phải đồ thị. Đường kháng cự nằm ngang và đường hỗ trợ hướng lên cho thấy các mức giá cao có xu thế giữ nguyên còn các mức giá thấp nhất lại có xu thế tăng dần lên, điều này cũng có nghĩa là người mua có động cơ mạnh hơn người bán.



"Breakout" (break-out có nghĩa là điểm xuất hiện sự đảo chiều của xu thế thị trường, ở đây sẽ dùng nguyên văn tiếng Anh) sẽ xuất hiện ở khoảng giữa điểm 2/3 và 3/4 chiều ngang của mô hình (tính từ điểm bắt đầu mô hình đến điểm cắt nhau của hai đường kháng cự và hỗ trợ). "Breakout" phá vỡ đường kháng cự sẽ chứng tỏ mô hình mang tính củng cố còn nếu phá vỡ đường hỗ trợ sẽ chỉ ra rằng mô hình mang tính đảo chiều. Có một cách để ước lượng mức giá mục tiêu thấp nhất mà sự đột phá ra ngoài mô hình này có thể đạt tới là xác định mức giá của điểm giao nhau dự kiến của hai đường kháng cự và hỗ trợ kéo dài. Tiếp đó ta đo chiều cao của mô hình tam giác tức là khoảng cách (đo theo chiều thẳng đứng) giữa điểm cao nhất của đường kháng cự và điểm thấp nhất của đường hỗ trợ, rồi cộng khoảng này vào mức giá của giao điểm vừa đo ở trên nếu là "breakout" hướng lên và sẽ lấy mức giá của giao điểm trừ đi khoảng này nếu là "breakout" hướng xuống.

Cup and Handle (mô hình cốc và chuỗi):

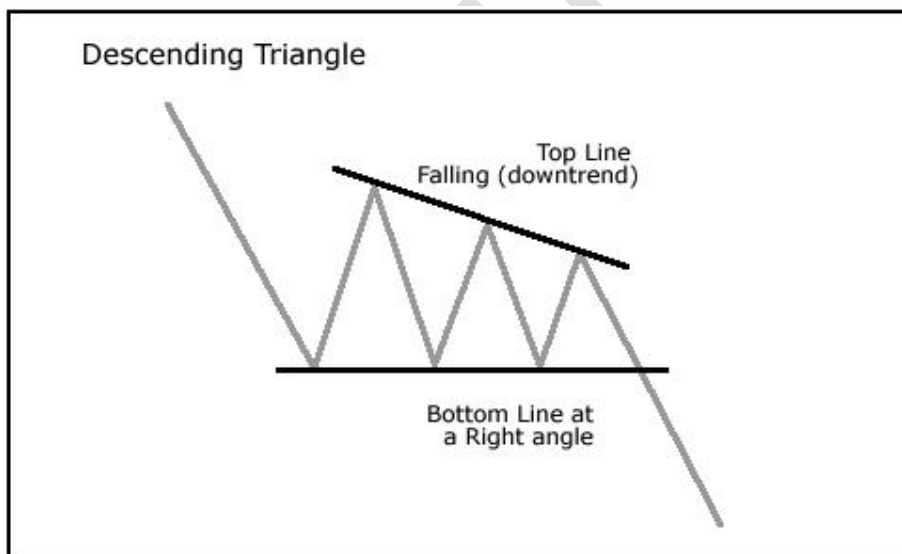
Mô hình cốc và chuỗi xuất hiện khi thị trường đang trong xu thế lên giá và nó củng cố xu thế đó của thị trường. Mô hình này gồm hai phần: phần "cốc" và phần cái "chuỗi", mô hình "cốc" kéo dài trong 1 đến 6 tháng còn mô hình chuỗi kéo dài trong 1 đến 4 tuần. Phần cốc hình thành sau một đợt tăng giá của thị trường và có dạng đáy vòng xuống. Khi mô hình "cốc" hoàn thành một mô hình khung giao dịch sẽ tiếp tục hình thành ở phía bên phải và tạo nên cái "chuỗi" (như hình vẽ).



Thường thì tính củng cố của mô hình sẽ được đảm bảo hơn nếu xu thế tăng giá ban đầu kéo dài trong vài tháng tức là đảm bảo nó không quá yếu. Cũng cần lưu ý với dạng của mô hình cốc: đáy của nó càng vòng càng tốt và nếu như nó quá nhọn và gần giống với chữ V thì rất dễ chuyển tính chất thành mô hình đảo chiều. Một mô hình cốc hoàn hảo sẽ có hai thành cốc cao ngang nhau, độ sâu của nó hoàn lại khoảng 1/3 hoặc ít hơn mức tăng giá trước đó, tất nhiên điều này ít khi xảy ra. Với thị trường có độ bất ổn lớn (volatile) thì mức hoàn lại có thể trong khoảng 1/3 đến 2/3, thậm chí có thể đạt đến 2/3.

Mô hình “chuôi” làm cho đợt gia tăng giá ở bên phải “cốc” ngừng lại và biến động nhỏ trong một khung giao dịch và có thể kéo lùi giá lại một chút so với thành “cốc”. Toàn bộ chiều cao của khung thường đạt mức 1/3 chiều cao “cốc”. “Breakout” xuất hiện sẽ phá vỡ mức kháng cự và tiếp tục xu thế tăng giá của thị trường.

Descending Triangles - tam giác hướng xuống

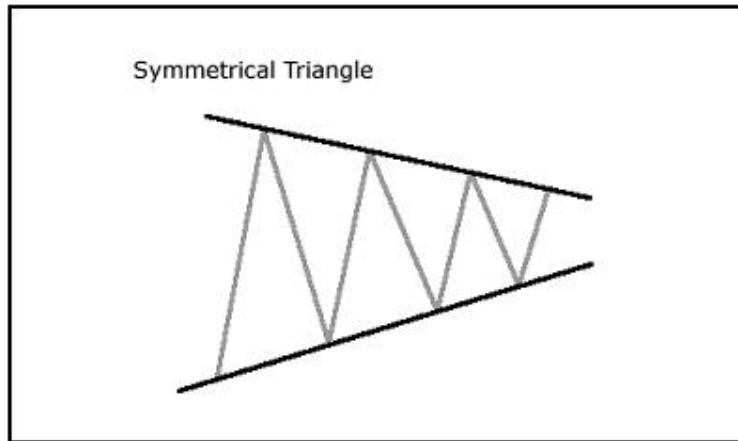


Mô hình tam giác thường xuất hiện trong thị trường xuống giá và cũng mang tính củng cố (hay duy trì) xu thế hiện tại. Thời gian tồn tại của mô hình này là khoảng 1 đến 3 tháng. Hai đường kháng cự và hỗ trợ có xu hướng hội tụ, đường kháng cự hướng xuống còn đường hỗ trợ nằm ngang.

Về điểm xuất hiện "breakout", điểm giá mục tiêu sau "breakout" cũng như mối quan hệ giữa điểm hội tụ hai đường kháng cự, hỗ trợ và độ dài của mô hình ta có thể xem ở phần mô hình tam giác hướng lên.

Mô hình này phản ánh tâm lý người mua cho rằng cổ phiếu đang vượt quá giá trị thực của nó và mức giá hợp lý phải thấp hơn do đó mà đường kháng cự đi xuống trong khi đường hỗ trợ nằm ngang. Rõ ràng nếu xuất hiện "breakout" thì giá sẽ tiếp tục giảm. Điểm khác biệt với mô hình tam giác hướng lên là ở chỗ khối lượng giao dịch sẽ ít dần đi và càng ít khi tiến gần đến điểm hội tụ.

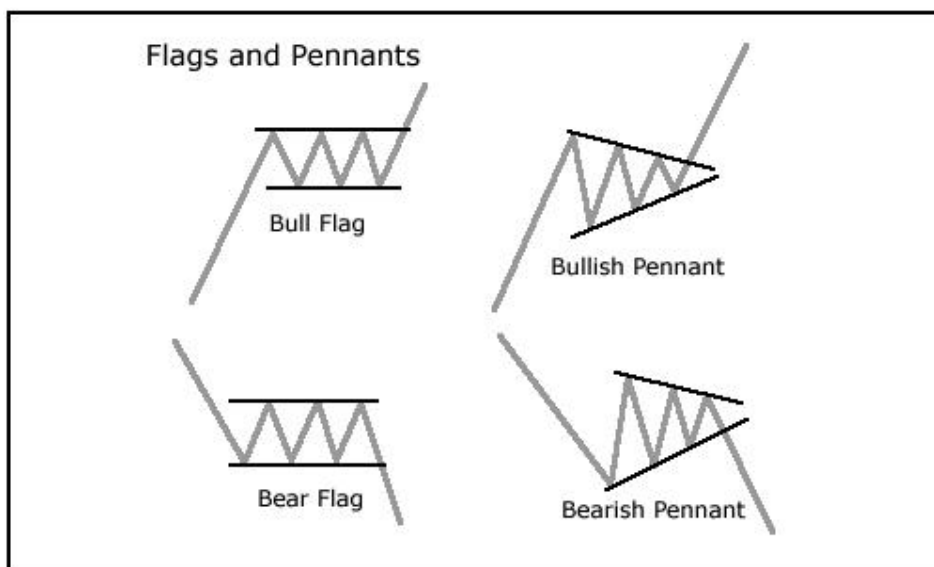
Symmetrical triangle - hình mẫu kỹ thuật tam giác cân



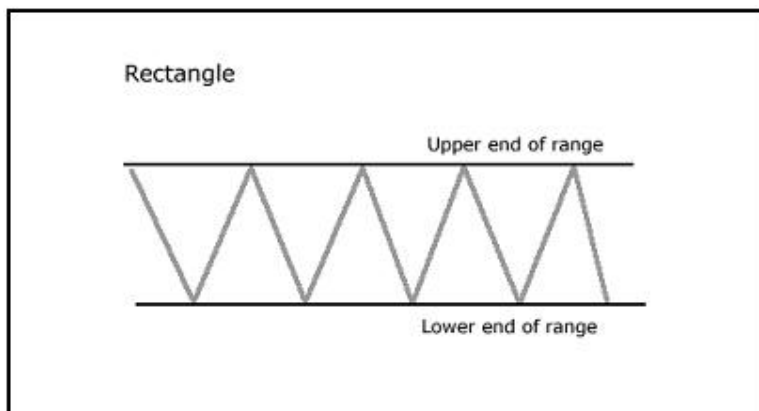
Nói chung một hình mẫu tam giác được xem xét như là một hình mẫu dạng tiếp tục xu thế của thị trường hoặc là một hình mẫu củng cố của xu thế. Tuy nhiên, đôi khi nó đánh dấu một sự đảo ngược của khuynh hướng. Nói chung hình mẫu kỹ thuật "tam giác cân" được xem xét như là những mẫu trung gian chuyển tiếp của xu thế biến động giá chứng khoán. Thông thường nó cần khoảng một tháng để hình thành, ít khi nó cần đến ba tháng để hình thành. Sự hội tụ của hai đường kháng cự và hỗ trợ đã mang lại cho chúng ta hình dáng của hình mẫu kỹ thuật "tam giác cân". Trên thị trường chứng khoán dạng hình mẫu kỹ thuật này khá dễ dàng để nhận biết nó, ngoài ra hình mẫu kỹ thuật này cũng được các chuyên viên Phân tích dùng như một công cụ đáng tin cậy để giao dịch, nhưng các chuyên viên cũng cảnh báo rằng tín hiệu đáng tin cậy để giao dịch đó là sự xuyên chéo một trong hai đường trendline bởi đường biểu diễn sự biến động giá chứng khoán một cách rõ ràng.

Flags and Pennants - Mô hình cờ chữ nhật và cờ đuôi nheo

Hình mẫu kỹ thuật Flags & Pennants là những mô hình continuation - tiếp tục xu thế của thị trường trong ngắn hạn, nó đánh dấu một bước củng cố để tiếp tục lấy lại xu thế của thị trường. Thông thường trước khi xảy ra những hình mẫu kỹ thuật này thì được xác nhận bằng sự tăng hoặc giảm giá mạnh kết hợp với khối lượng giao dịch lớn, nó đánh dấu điểm chính giữa của xu thế biến động giá (thực chất nó là những hình mẫu kỹ thuật mang tính chất củng cố của xu hướng biến động giá chứng khoán). Để được xem xét là một hình mẫu kỹ thuật mang tính continuation - tiếp tục xu thế của thị trường - nó cần được xác nhận bằng một khuynh hướng diễn ra trước đó.



Rectangle - hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật

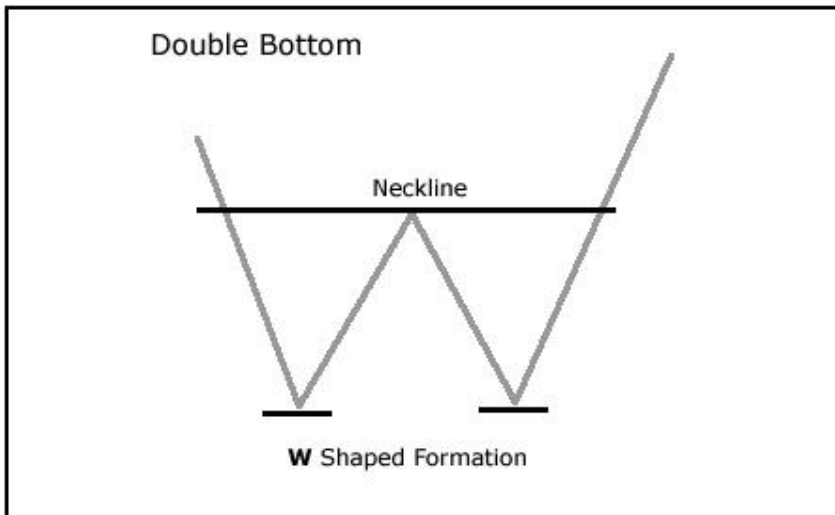


Hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật – Rectangle – là một dạng mô hình tiếp tục xu thế của thị trường, nó trông giống như trong một *kênh giao dịch* cho đến cuối của xu thế biến động giá chứng khoán. Hình mẫu kỹ thuật này có thể được nhận biết một cách rõ ràng thông qua hai đường nối các đỉnh và các đáy trong xu thế biến động giá chứng khoán. đường nối các đỉnh và các đáy của xu thế biến động giá chứng khoán tạo thành đỉnh và đáy của hình chữ nhật. Những hình chữ nhật đôi khi được xem như những khung giao dịch, những khu vực củng cố hoặc bế tắc trong sự biến động của giá chứng khoán. có nhiều sự tương đồng giữa mô hình “hình chữ nhật” – Rectangle và mô hình “tam giác cân” - Symmetrical triangle, trong khi cả hai đều là những hình mẫu kỹ thuật tiếp tục khuynh hướng của thị trường, chúng đều mang lại những thông tin khá quan trọng đó là dự báo những đỉnh và đáy của xu thế. Không như với hình mẫu kỹ thuật tam giác cân, hình mẫu kỹ thuật hình chữ nhật chỉ hoàn thiện cho tới khi "breakout" xuất hiện. thỉnh thoảng những tín hiệu sớm có thể được nhận biết, nhưng thường thì dấu hiệu "breakout" khó có thể xác định trước một cách sớm và chính xác. Rectangle có thể diễn ra trong một vài tuần hoặc trong vài tháng, thông thường thì hình mẫu này diễn ra trong khoảng ba tuần, trong trường hợp lý tưởng Rectangle có thể diễn ra trong khoảng ba tháng, nói chung những dấu hiệu "breakout" do những Rectangle diễn ra trong thời gian dài thường tin cậy hơn những dấu hiệu "breakout" được mang lại bởi những Rectangle diễn ra trong khoảng thời gian ngắn hơn.

Phân tích kĩ thuật P.7

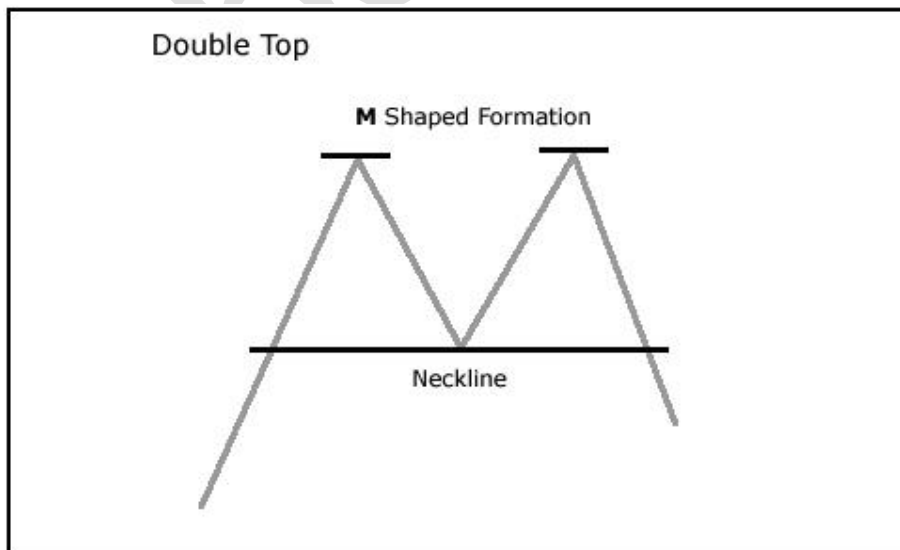
Double bottom (Mô hình hai đáy)

Mô hình hai đáy hình thành khi giá tạo thành hai điểm đáy liên tiếp trên cùng một đồ thị. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá tăng vượt qua điểm bắt đầu hình thành đáy thứ hai (tức là vượt qua đường Neckline sau khi đã chạm đến đáy thứ hai). Mô hình hai đáy là thời kỳ chuyển đổi xu thế giảm giá thành xu thế tăng giá, nó mang tính đảo chiều. Có điều là mô hình này tương đối dễ nhận ra nên cũng rất dễ nhảm do đó nhà đầu tư nên cẩn thận khi quyết định tham gia trong thời kỳ này. Thực tế thống kê cho thấy nếu nhà đầu tư nóng vội tham gia ngay từ đầu thì xác suất thất bại là 64% còn nếu họ cố gắng đợi đến khi xuất hiện "breakout" (đảo chiều) thật sự thì xác suất thất bại chỉ còn 3%.



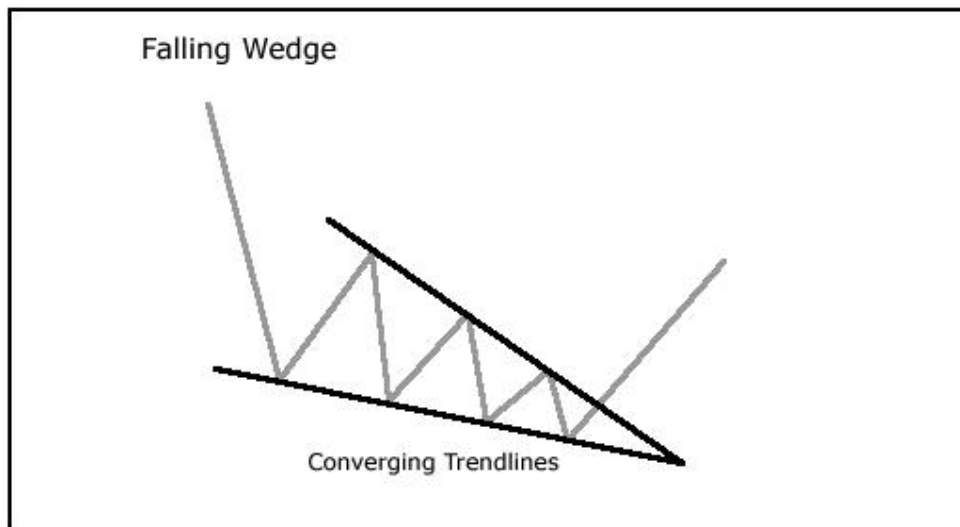
Để có thể nhận diện chính xác mô hình, nhà đầu tư nên chú ý đến một số vấn đề: đáy thứ hai không nên xuống vượt quá đáy thứ nhất; khoảng thời gian giữa hai đáy cũng là một dấu hiệu quan trọng-thời gian càng dài thì độ chính xác càng cao-ít nhất phải là một tháng và có thể kéo dài nhiều tháng.

Double top (Mô hình hai đỉnh)



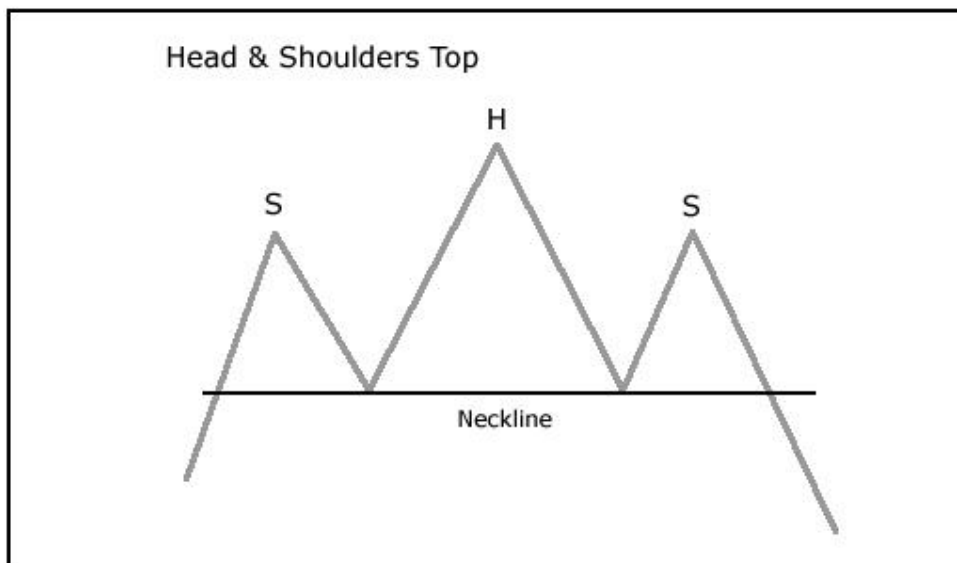
Mô hình hai đỉnh hình thành khi đường biểu diễn sự biến động của giá chứng khoán hình thành hai đỉnh trên biểu đồ. Mô hình này chỉ hoàn thiện khi giá chứng khoán rơi xuống dưới mức sàn đáy (điểm dưới cùng của đáy) của toàn mô hình. Mô hình hai đỉnh là mô hình thể hiện sự đảo ngược của xu hướng tăng giá chứng khoán – nó đánh dấu quá trình chuẩn bị cho xu hướng đi xuống của xu hướng tăng giá trong hiện tại (nó báo hiệu cho một thị trường giảm giá). Vì đây là mô hình rất hay thường gặp và rất dễ nhận ra nên khi nhận định về thị trường chúng ta nên xem xét một cách cẩn thận. Bolkowski ước tính mức thất bại của mô hình này là 65% nếu nhà đầu tư đợi đến mức đột biến giá (Breakout) mới tiến hành giao dịch thì mức rủi ro giảm xuống còn 17%.

Falling wedge (Mô hình cái nêm hướng xuống):



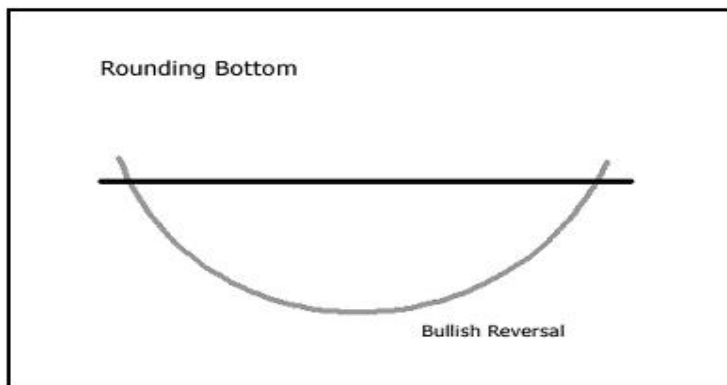
Mô hình Falling wedge là một hình mẫu kỹ thuật dạng bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), mô hình bắt đầu thì biên khoảng cách giữa hai đường xu thế rộng sau đó độ rộng giảm dần khi giá chứng khoán giảm. Sự biến động của giá hình thành một hình chóp nón hướng xuống dưới do các đỉnh và đáy dần hội tụ. Hình mẫu kỹ thuật Falling wedge trượt hướng xuống phía dưới và có dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá), tuy nhiên dấu hiệu bullish (chỉ báo thị trường tăng giá) này sẽ không thể được nhận ra cho đến khi có "breakout" (đảo chiều xu thế) khỏi đường kháng cự. Khi mô hình mang tính continuation (tiếp tục xu thế của thị trường), thì Falling wedge vẫn sẽ hướng xuống dưới và xu hướng này ngược với xu thế của thị trường hiện tại. Khi nó mang tính reversal (đảo ngược với xu thế của thị trường), thì Falling wedge hướng trượt xuống dưới cùng với xu thế của thị trường. Nhưng cho dù Falling wedge thuộc loại nào thì nó vẫn là hình mẫu kỹ thuật báo hiệu sự tăng giá!

Head and shoulders top (hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai)



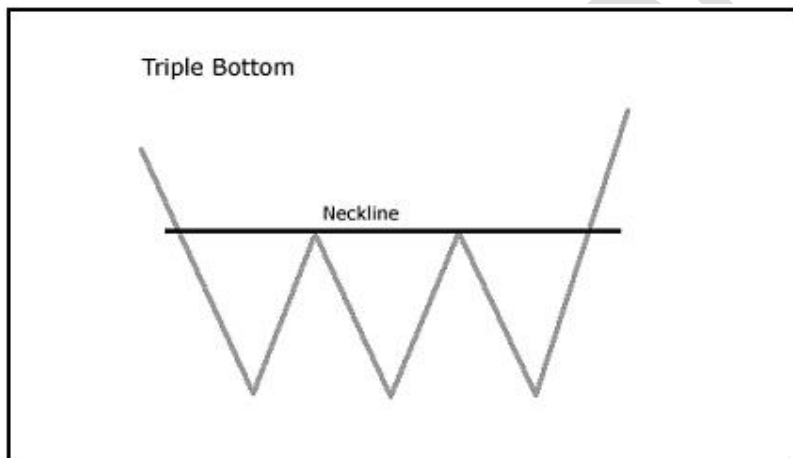
Đỉnh đầu vai là một hình mẫu kỹ thuật hết sức phổ biến đối với những nhà đầu tư vì nó là một hình mẫu kỹ thuật đáng tin cậy nhất trong tất cả những hình mẫu kỹ thuật được trình bày trong đề tài nghiên cứu này, đồng thời nó cũng thường được nhận ra một cách dễ dàng. Những nhà phân tích kỹ thuật ít kinh nghiệm thường mắc lỗi đối với hình mẫu kỹ thuật này vì họ nhận thấy nó xuất hiện khá phổ biến trên biểu đồ. Những nhà phân tích kỹ thuật chuyên nghiệp thường nhận biết hình mẫu kỹ thuật này thông qua những biến cố thực sự. Đỉnh đầu vai là loại hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu thế của thị trường. Nó là dấu hiệu quan trọng đánh dấu sự đảo chiều của xu thế biến động giá chứng khoán từ xu thế tăng giá chuyển thành xu thế giảm giá. Hình mẫu kỹ thuật đỉnh đầu vai thực ra là sự mô phỏng theo hình dáng đầu và hai vai của con người, hình mẫu gồm ba đỉnh cao nhọn được tạo bởi ba điểm khôi phục - tăng giá trở lại sau khi giá giảm trong sự biến động của giá chứng khoán. Đỉnh đầu tiên – vai trái – xuất hiện khi giá chứng khoán tăng đạt tới đỉnh của nó và sau đó giảm xuống. Đỉnh thứ hai – cái đầu- xảy ra khi giá chứng khoán tăng lên đến một đỉnh cao mới cao hơn đỉnh của vai trái rồi lại giảm xuống. Đỉnh thứ ba – vai phải – xuất hiện khi giá chứng khoán tăng một lần nữa nhưng không cao bằng đỉnh thứ hai, rồi lại giảm xuống sau khi đã đạt được đỉnh của nó. Đỉnh của hai “vai” chắc chắn sẽ thấp hơn đỉnh của “đầu”. Trong mô hình phân tích cổ điển thì hai đỉnh của hai vai phải cân bằng với nhau nhưng điều quan trọng nhất quyết định của mô hình này đó chính là đường nối hai đáy của hai vai gọi là đường “vòng cổ” – neckline – mô hình sẽ bị phá vỡ khi đường vòng cổ bị xuyên chéo bởi giá chứng khoán và giá chứng khoán tiếp tục giảm xuống dưới đường “vòng cổ” – neckline – các chuyên viên Phân tích kỹ thuật cho rằng mô hình không được khẳng định là đúng cho tới khi giá chứng khoán giảm xuống dưới đường “vòng cổ” – neckline.

Rounding bottom (hình mẫu kỹ thuật đáy vòng cung)



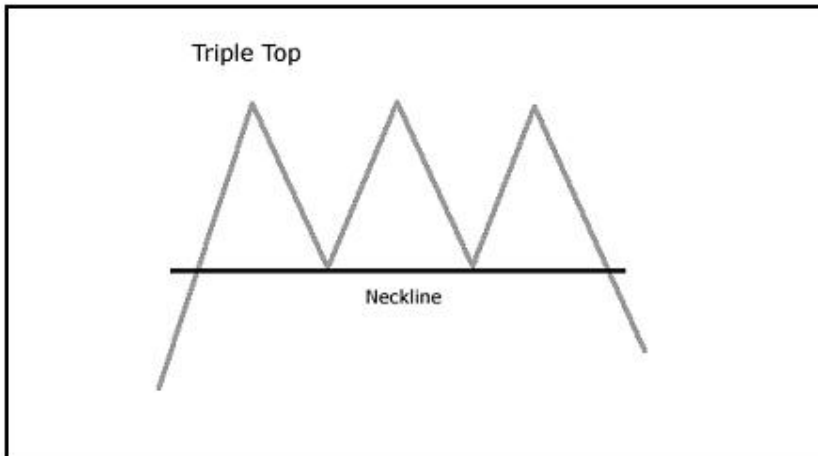
Rounding bottom là một hình mẫu kỹ thuật đảo ngược xu hướng biến động thị trường – reversal – dài hạn, nó thường được dùng để phân tích với biểu đồ hàng tuần. Nó đại diện cho một thời kỳ củng cố dài hạn trong xu thế biến động của giá chứng khoán, nó là mô hình chuyển tiếp từ một khuynh hướng giảm giá liên tục – Bearish – sang một khuynh hướng tăng giá mạnh – bullish. Sự xác nhận của khuynh hướng tăng giá mới – bullish – khi khuynh hướng biến động giá chứng khoán vượt qua đường miệng của vòng cung, nó đánh dấu một khuynh hướng mới trong quá trình biến động của giá chứng khoán, như một mức hỗ trợ của sự đột biến giá chứng khoán, đường này cũng được coi là mức kháng cự của xu thế mới. Tuy nhiên, Rounding bottom đại diện cho sự đảo chiều của sự biến động giá chứng khoán trong dài hạn và mức hỗ trợ mới cũng trở thành không mấy quan trọng nữa.

Triple bottom (hình mẫu kỹ thuật ba đáy)



Mô hình ba đáy được hình thành bởi ba đáy phụ riêng biệt với mức xấp xỉ bằng nhau. Mô hình ba đáy được xem như là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai ngược, mô hình ba đáy là hình mẫu dạng đảo ngược xu thế biến động của thị trường. Thứ duy nhất để phân biệt giữa mô hình ba đáy và mô hình đỉnh đầu vai ngược đó chính là đỉnh - “đầu” – nằm giữa hai “vai”. Mô hình ba đáy biểu diễn xu thế giảm sút trong quá trình nó trở thành một xu thế tăng giá. như vậy nó chỉ còn hợp lệ khi nó vẫn trong quá trình giảm sút so với hai đỉnh ở giữa hay là nó chưa đi xuyên chéo qua đường vòng cổ – neckline – vượt qua mức kháng cự của mô hình. Bởi vì hình mẫu kỹ thuật này rất dễ nhầm lẫn với nhiều hình mẫu kỹ thuật khác cho nên cách chuyên viên phân tích khuyên rằng để ứng dụng mô hình này một cách có hiệu quả cao nhất trong quá trình đầu tư, chúng ta nên chờ đợi một dấu hiệu "breakout" một cách rõ ràng thông qua sự xuyên chéo của đường biểu diễn giá chứng khoán với đường kháng cự của mô hình – neckline – trước khi nhận định đây có phải thực sự là hình mẫu kỹ thuật dạng “ba đáy” hay không

Triple top (hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh)

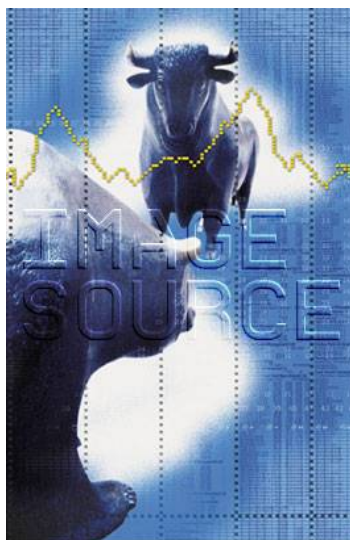


Mô hình ba đỉnh được xem là mô hình cải tiến của mô hình đỉnh đầu vai. Tương tự như mô hình “ba đáy” thứ duy nhất để phân biệt một cách rõ ràng giữa mô hình này với mô hình đỉnh đầu vai đó chính là đỉnh “đầu” nằm giữa hai “vai”, trong mô hình “ba đỉnh” thì ba đỉnh xấp xỉ cao bằng nhau, nhưng trong mô hình “đỉnh đầu vai” thì hoàn toàn khác, đỉnh đầu cao hơn hẳn so với hai vai hai bên. Như hình minh họa ở bên dưới thì mô hình “ba đỉnh” được hình thành từ ba đỉnh sắc nhọn, cả ba đỉnh có độ cao gần bằng nhau. Một đỉnh trong bộ ba xuất hiện khi giá chứng khoán đang ở trong giai đoạn tăng giá, sự tăng giá lên tới mức kháng cự của mô hình sau đó giá chứng khoán giảm xuống mức hỗ trợ của mô hình, sau đó xuất hiện sự tăng giá trở lại nhưng chỉ đạt đến mức kháng cự ngang bằng với mức kháng cự của mô hình và lại giảm xuống, sự tăng giá trở lại mức kháng cự thứ ba trước khi giá chứng khoán bị giảm một cách nhanh chóng xuống dưới mức hỗ trợ của mô hình. Hình mẫu kỹ thuật ba đỉnh là một hình mẫu dạng đảo chiều của thị trường nó đánh dấu một thời kỳ chuyển tiếp giữa một xu thế tăng giá và một xu thế giảm giá. Điều kiện đầu tiên của mô hình đó là phải được bắt đầu bằng một xu thế tăng giá. Các chuyên viên phân tích khuyên rằng nhà đầu tư nên đợi sự xuất hiện của sự xuyên chéo giữa đường biểu diễn giá chứng khoán với đường hỗ trợ của mô hình – neckline – một cách rõ ràng. nếu giá chứng khoán không giảm mạnh sau sự xuất hiện đỉnh thứ ba thì đó không phải là mô hình “ba đỉnh”. Đôi khi trong thực tế mô hình “ba đỉnh” không thực sự xảy ra một cách hoàn hảo ví dụ như ít khi ba đỉnh có độ cao xấp xỉ bằng nhau, mà sự bằng nhau chỉ mang tính chất có sự sai lệch có thể chấp nhận được.

Phân tích kỹ thuật P.8 - Sử dụng đường hỗ trợ và đường kháng cự trong phân tích

Đường hỗ trợ và kháng cự là một trong những công cụ bản được các tay buôn chứng khoán sử dụng để phân tích và xác định vùng biến động của giá cổ phiếu trên thị trường. Có thể ở Việt Nam, khái niệm đường hỗ trợ, đường kháng cự còn rất lạ lẫm đối với nhiều nhà đầu tư song khái niệm này được nhắc tới và sử dụng rất phổ biến trong phân tích kỹ thuật, thậm chí còn được coi là kim chỉ nam, là sách gối đầu giường của nhiều tay chơi cổ phiếu. Bài viết này nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản nhất về mức hỗ trợ, mức kháng cự cũng như cách xác định các mức giá có khả năng xảy ra trong tương lai.

9



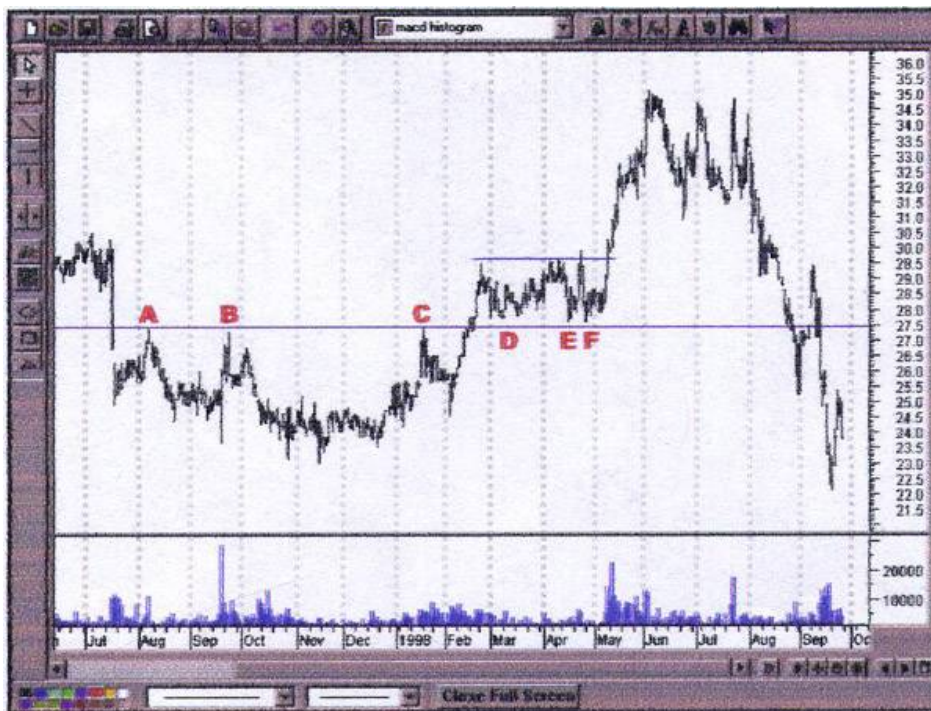
IS101-060 www.imagesource.com

Một trong những tiên đề nổi tiếng, có tính kinh điển trong phân tích kỹ thuật đó là "giá cả của cổ phiếu chịu sự tác động mạnh mẽ của mức hỗ trợ và mức kháng cự". **Hỗ trợ** là thuật ngữ dùng để chỉ các tác động giữ cho giá cổ phiếu luôn cao hơn một mức nào đó, còn **kháng cự** ngược lại, là thuật ngữ được sử dụng để chỉ các tác động khiến cho giá cổ phiếu luôn thấp hơn một mức nhất định nào đó. Người ta đã nghiệm ra rằng lịch sử luôn lặp lại, nếu trong quá khứ các mức giá đã từng đóng vai trò là giá kháng cự, thì chúng có xu hướng sẽ lặp lại vai trò đó trong tương lai. Việc biểu diễn được các đường hỗ trợ hay kháng cự trên đồ thị cổ phiếu sẽ giúp nhà đầu tư xác định được tầm quan trọng của chúng trong quá khứ cũng như tiên liệu được các biến động trong tương lai. Khi nhận thấy thị trường đang giao dịch với mức giá gần với và hướng về các mức trên, ta có thể đưa ra một số dự báo hợp lý về giá cả cổ phiếu trong thời gian tới, từ đó có được các quyết định đầu tư cho riêng

mình.

Vậy thế nào là hỗ trợ, thế nào là kháng cự và hình thù của chúng trên các đồ thị cổ phiếu ra sao? Để giải quyết được câu hỏi này, hãy cùng quan sát một đồ thị có biểu diễn các đường kháng cự và đường hỗ trợ tại các mức giá hết sức rõ ràng và dễ nhận biết. Sử dụng các thông tin rút ra từ bảng này ta có thể biết được liệu các mức kháng cự hay hỗ trợ này có lặp lại không khi giá cổ phiếu có xu hướng chạm tới các mức giá đó. Tuy nhiên, trước khi đi sâu khám phá những bí ẩn đằng sau các biểu đồ, hãy cùng tìm hiểu một số thuật ngữ và các nguyên nhân dẫn tới sự hình thành của các đường này.

Bất kì ai thường xuyên theo dõi các kênh thông tin tài chính, đọc các tạp chí đầu tư như Financial Times, vào các website chuyên ngành đầu tư chứng khoán của các thị trường lớn đều có thể nghe được và đọc được các lời nhận xét của các chuyên gia tài chính như, đại loại như là "Tôi cho rằng mức hỗ trợ của Dow là 7300" hay "Dow chắc chắn sẽ có mức kháng cự là 8100" Vậy thì bản chất tài chính của kháng cự hay hỗ trợ là gì, và tại sao người ta lại nhắc đến nó nhiều như vậy. Robert Edwards và John Magee trong tác phẩm kinh điển của họ có tựa đề "phân tích kỹ thuật xu thế biến động cổ phiếu" (Technical analysis of stock trend) đã định nghĩa như sau: *Hỗ trợ là việc mua, có thể trên thực tế hoặc tiềm năng, một khối lượng lớn cổ phiếu trong một giai đoạn nhất định nhằm ngăn chặn không cho giá của chúng giảm thêm nữa. Kháng cự, ngược với hỗ trợ, là việc bán một lượng lớn cổ phiếu nhằm đáp ứng các lệnh mua, khiến cho mức giá không tăng thêm nữa. Xét về quan hệ cung cầu thì hỗ trợ là mức giá mà tại đó cầu lớn hơn cung, còn kháng cự là mức giá tại đó cầu nhỏ hơn cung.*



Hãy cùng quan sát bảng 1 để thấy rõ hơn. Đây là biểu đồ chứng khoán của công ty Rubbermaid từ tháng 6 năm 1997 đến tháng 9 năm 1998. Đồ thị thể hiện ba lần giá cổ phiếu lên cao hơn mức 27.5 điểm (tại A, B, C), sau đó lại đảo chiều và giảm giá. Kể đó, sau khi vượt qua mức 27.5 điểm vào tháng 1 năm 1998 giá cổ phiếu lại tụt xuống (điểm D, E, F) trước khi tăng lên tới mức 35 điểm. Một đường thẳng được kẻ sao cho càng gần với cả sáu điểm này càng tốt. Trong bảng này, ta thấy mức giá đóng vai trò kháng cự tại điểm A-C, sau đó đảo chiều và đóng vai trò hỗ trợ tại điểm D-E.

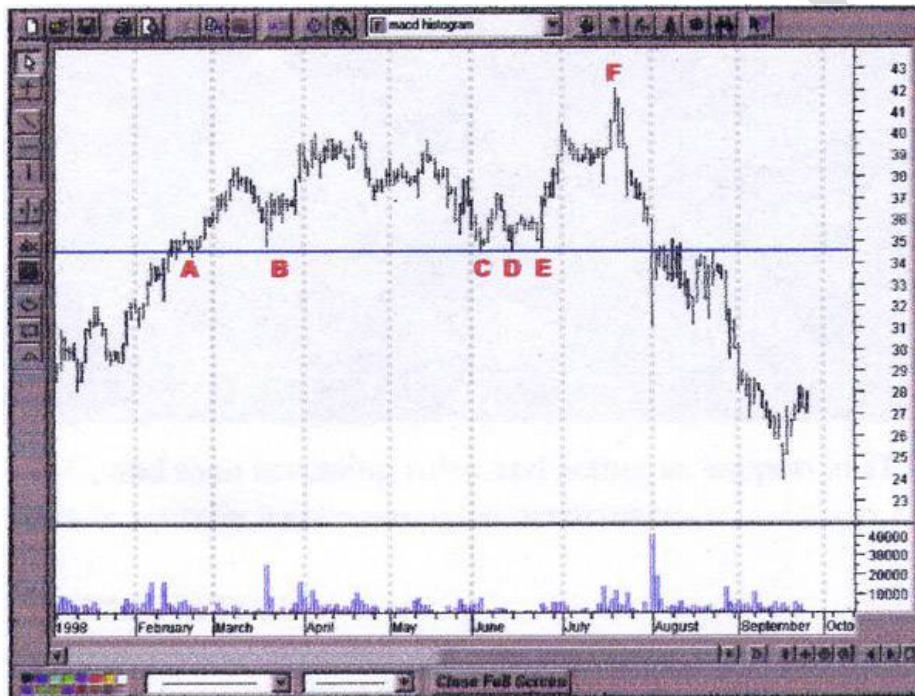
Để giải thích được hành vi của thị trường, chúng ta cần phân tích rõ đồ thị này hơn chút nữa. Sau khi sụt giảm mạnh từ mức 30 điểm vào giữa tháng 7 năm 1997, giá cổ phiếu sau đó đã tăng lên mức 27.5 (điểm A) vào tháng 8, lại sụt giảm, rồi tăng lên mức 27.25 điểm vào tháng 8, sau đó lại sụt giảm. Chu kỳ này lại tiếp diễn một lần nữa vào tháng 1 năm 1998, sau đó lại được đẩy từ mức 27.5 điểm lên mức 29.5 điểm vào tháng 2.

Giả định rằng trước khi diễn ra sự sụt giá vào giữa tháng 7 năm 1997, các nhà đầu tư mua cổ phiếu ở mức giá dưới 30 điểm đã kiếm được một khoản lợi nhuận sau khi bán lại các cổ phiếu này cho các nhà đầu tư mới ở mức giá 30 điểm. Nhưng ngay sau đó, nhiều người trong số các cổ đông mới này đã đau khổ khi phải chứng kiến tiền đầu tư của mình bỗng nhiên giảm đi mất 15% chỉ sau một đêm ngắn ngủi (giá giảm xuống mức 25.5 điểm) và đương nhiên ai cũng mong ngóng ngày giá tăng để giảm bớt khoản lỗ.

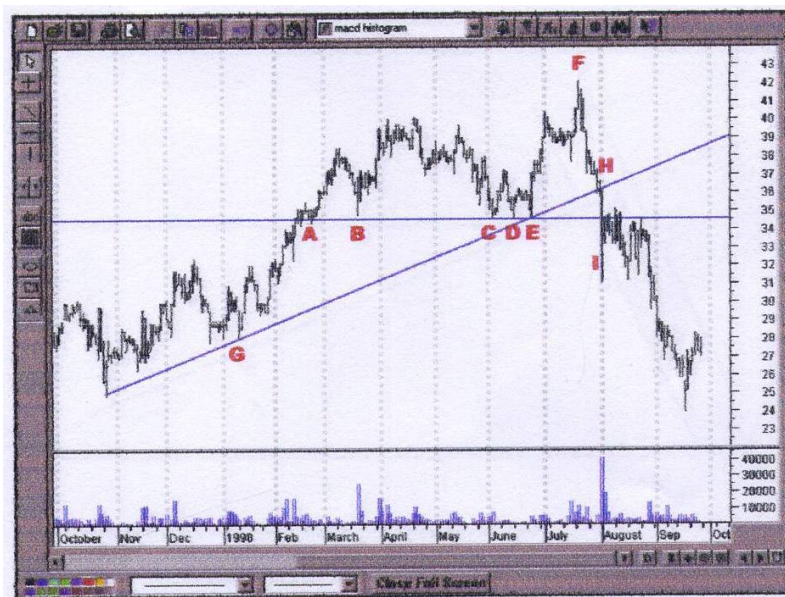
Mặt khác, các nhà đầu tư đã lỡ cơ hội kiếm lời từ việc tăng giá ngay trước đó (từ thấp hơn 30 lên 30 điểm) thì lại coi đây là một cơ hội tốt để mua vào, đơn giản vì mới chỉ hai ngày trước đó, mức giá còn ngất ngưỡng 30 điểm. Chính vì tâm lý này nên giá cổ phiếu đã tăng lên mức 27.5 (điểm A), và các cổ đông mua cổ phiếu ở mức giá 30 cũng nhẹ nhõm hơn một chút vì mức lỗ của họ chỉ còn 2.5 điểm thay vì 4.5 điểm như trước đây. Nhiều người chấp nhận mức lỗ này, và không muốn kéo dài tình trạng lo lắng cho túi tiền của mình, họ quyết định bán cổ phiếu ra, khiến cho giá sụt xuống. Chu trình này lặp lại (điểm B và C) cho đến khi một bộ phận lớn các nhà đầu tư không chấp nhận mức lỗ 2.5 điểm và vẫn quyết định nắm giữ cổ phiếu, khiến cho mức giá tiếp tục tăng

và vượt qua mức 27.5 vào tháng 2 năm 1998, tiếp tục tăng lên mức 29.5 điểm. Tại mức giá này, nhiều nhà đầu tư cảm thấy hài lòng với quyết định nắm giữ cổ phiếu của mình, chấp nhận mức lỗ 0.5 điểm, lo sợ vì mức giá duy trì yếu trong thời gian dài, họ quyết định liên lạc với người môi giới của mình để bán cổ phiếu, khiến cho giá lại giảm xuống mức 27.5 (điểm D). Hiện tượng này tiếp tục xảy ra thêm hai lần nữa (điểm E, F) cho đến khi những nhà đầu tư chấp nhận chịu mức lỗ nhỏ đã ra khỏi thị trường, lúc này giá cả lại được đẩy lên mức 30 điểm vào tháng 5 năm 1998.

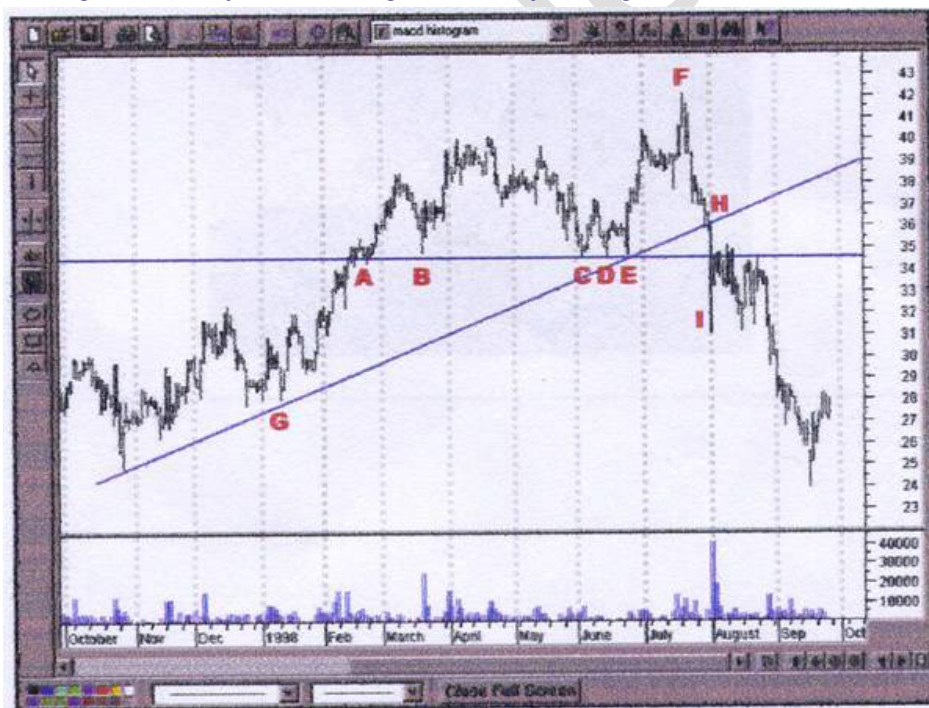
Quá trình trên không chỉ xảy ra tại mức giá này mà nó xảy ra ngay tại mỗi mức giá cổ phiếu được giao dịch. Mặc dù điều này có vẻ quá đơn giản, nhưng đó là một trong những kiểu ra quyết định của các nhà đầu tư giúp hình thành nên mức hỗ trợ và mức kháng cự. Một vài nhân tố quan trọng hơn cả sẽ có ảnh hưởng lớn đến biểu hiện của giá cả, tuy nhiên nếu không tính tới các nhân tố này, các mức hỗ trợ và kháng cự này có thể có những tác động rõ rệt đến hình dạng của bảng biểu chứng khoán thường ngày. Nhưng quan trọng hơn cả, bằng cách kết hợp kiến thức về mức hỗ trợ, mức kháng cự cùng với các công cụ [phân tích cơ bản](#) và phân tích kỹ thuật khác, chúng ta có thể có những sự so sánh, dự đoán xu hướng biến động của giá cả, chớp thời cơ làm giàu, hơn là bị động gánh chịu và sửng sốt trước những biến đổi bất ngờ của nó.



Bảng thứ hai lại là một ví dụ khác, thể hiện biến động theo từng ngày của cổ phiếu OSSi (Outback Steakhouse). Kể từ đầu năm 1998 tới giữa tháng 2, giá cổ phiếu tăng từ 28.5 lên 34.5 điểm (tại A). Hãy chú ý tới phần đường biểu diễn nằm sát nhau ngay trên đường hỗ trợ được kẻ tại mức 34.5, và những biến động của giá cả trong vài tháng tiếp đó khi nó tăng giảm chạm mức hỗ trợ 4 lần tại B, C, D, E. Từ điểm E cho đến cuối tháng 7, giá tăng lên tới tận mức đỉnh điểm là 41 (tại F), ngay sau đó lại tụt dốc rất nhanh xuyên qua đường hỗ trợ, xuống mức 32.5 vào đầu tháng 8.



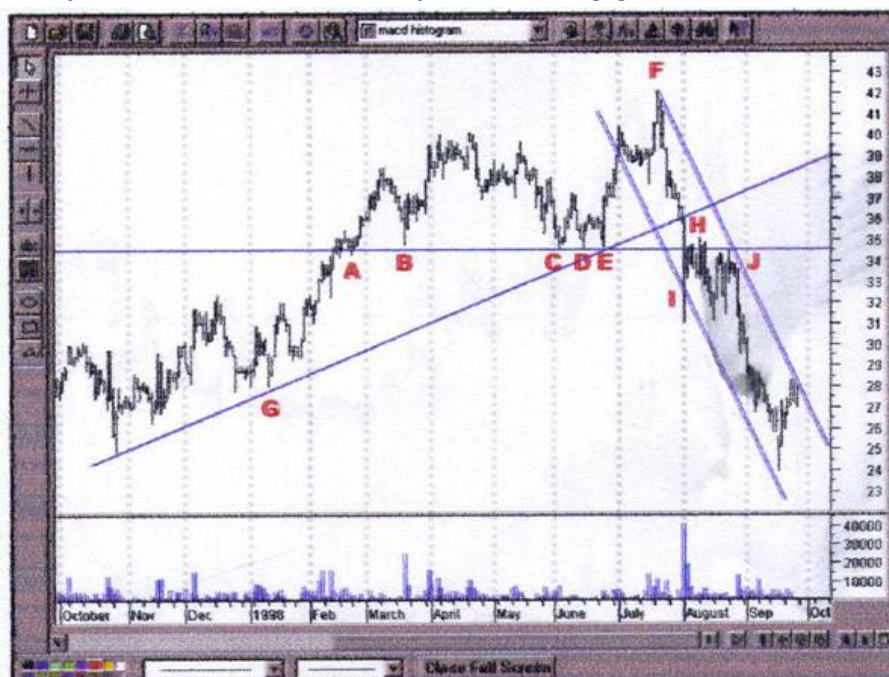
Vì F là điểm cao nhất trong cả thời kì phân tích, ta sẽ kẻ một đường thẳng từ điểm G đến điểm E, kéo thẳng đường này sang phía phải (gọi là đường xu thế). Hãy chú ý rằng điểm dừng H trước ngày giá giảm từ 36 xuống 32.5 diễn (I) nằm ngay trên đường này. Sự sụt giảm tương đối lớn ngay ngày sau đó cho thấy đường xu thế này đóng vai trò như một đường hỗ trợ, một khi vượt qua được "rào cản" này, giá sẽ rút tự do. Đồng thời điều này cũng có nghĩa là đường hỗ trợ và kháng cự không nhất thiết phải là đường ngang, nó có thể là một đường xiên. Trên thực tế, cũng có thể coi chính các đường xu thế này như đường hỗ trợ hay kháng cự.



Quay lại với các điểm nằm trên đường hỗ trợ (A, B, C, D, E). Vì mức giá giảm xuống dưới 34.5 nên giá đã phá vỡ đường hỗ trợ và đường xu thế. Trong tháng 8 mức giá chủ yếu giao động nhẹ quanh mức 34.5, lúc này đường xu thế không còn đóng vai trò như một đường hỗ trợ nữa, nó đã đảo chiều và đóng vai trò như một đường kháng cự

cho đến khi giá giảm xuống mức thấp hơn, đến tháng 9, cổ phiếu này được giao dịch ở mức 26.

Mức độ quan trọng và đáng tin cậy trong việc dự đoán tương lai của đường hỗ trợ hay kháng cự trong phân tích kỹ thuật liên quan trực tiếp đến số lần giá chạm tới các đường này và chuyển động ngược trở lại. Trong đồ thị số 4, có ít nhất là 7 lần giá đạt tới mức kháng cự/hỗ trợ và sau đó đảo chiều. Con số này chứng tỏ rằng các đường này rất có ý nghĩa và đáng tin cậy, có thể dùng để dự đoán các biến động của giá trong tương lai. Nó có đáng tin 100% không? Tất nhiên là không, chẳng có phương pháp phân tích nào lại đáng tin 100% bởi thị trường còn chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố, tuy nhiên theo như đồ thị này thì khả năng giá sẽ đảo chiều là rất lớn.



Theo đồ thị trên, khi mức giá không giữ xu thế tăng nữa, chúng ta sẽ kẻ một đường xu thế mới để thể hiện hướng biến động mới của giá cả. Một đường thẳng nối từ F, kéo dài qua J là đường xu thế mới. Một đường thẳng khác nối từ H, song song với đường xu thế trên có vẻ "bao trọn" được biên giao động của giá trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9, đây chính là một hình hỗ trợ-kháng cự đường xiên điển hình.

Nhìn chung, hỗ trợ và kháng cự không phải là công cụ dự đoán chính xác 100% sự biến động của giá cả trong tương lai, thay vào đó chúng là công cụ dùng để cảnh báo các nhà đầu tư về một số điểm cần xem xét thẩm tra kĩ càng. Bằng cách sử dụng đường hỗ trợ và kháng cự kèm với các chỉ số khác, chúng ta có thể biết được các tác động của chúng (nếu có) đối với giá cổ phiếu, với độ chính xác tùy theo số lần giá cả chạm mức kháng cự hay hỗ trợ.

Lý thuyết Dow - nền tảng của phân tích kỹ thuật

(Bình chọn: 2 ★★★★★ -- Thảo luận: 0 -- Số lần đọc: 1207)

Lý thuyết Dow là cơ sở đầu tiên cho mọi nghiên cứu kỹ thuật trên thị trường. Mặc dù nó thường bị coi là trẻ so với thị trường và bị những người chống đối dựa vào đó để chỉ trích nhưng nó vẫn được đông đảo những người có quan tâm đến và tôn trọng. Rất nhiều người, dù ít hay nhiều có sử dụng lý thuyết này cho việc đề ra cho riêng

mình một quan điểm đầu tư đều không nhận ra một điều là bản chất của Lý thuyết Dow là hoàn toàn mang “tính kỹ thuật”.

Cơ sở để xây dựng cũng như đối tượng nghiên cứu của lý thuyết chính là những biến động của bản thân thị trường (thể hiện trong chỉ số trung bình của thị trường) và không hề dựa trên cùng cơ sở của Phân tích cơ bản là các thống kê hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong những ghi chép của người đầu tiên đề ra lý thuyết này, ông Charles. H. Dow, có rất nhiều điều chứng tỏ rằng tác giả không hề nghĩ lý thuyết của mình sẽ trở thành một công cụ dùng cho dự báo thị trường chứng khoán hay thậm chí nó đã trở thành một hướng dẫn chung cho các nhà đầu tư. Những ghi chép ấy chỉ nói lên rằng ông muốn lý thuyết của mình thành một thước đo biến động chung của thị trường. Dow thành lập công ty “Dịch vụ thông tin tài chính Dow-Jones” và được mọi người biết đến với việc tìm ra chỉ số bình quân thị trường chứng khoán. Những nguyên lý căn bản của học thuyết (ngày nay được đặt theo tên ông) đã được ông phác thảo ra trong một bài nghiên cứu mà ông viết cho “Tập Chí Phố Wall”. Sau khi Dow chết, năm 1902, người kế tục ông làm biên tập cho tờ nhật báo, William. P. Hamilton, đã tiếp tục việc nghiên cứu lý thuyết này, sau 27 năm nghiên cứu và viết các bài báo, ông đã tổ chức và cấu trúc lại thành Lý thuyết Dow như ngày nay.

Tìm hiểu về lý thuyết của Dow, trước tiên ta phải nghiên cứu đến chỉ số trung bình của thị trường. Nhìn chung giá [chứng khoán](#) của tất cả các công ty đều cùng lên và xuống, tuy nhiên một số cổ phiếu lại chuyển động theo hướng ngược lại xu thế chung của các cổ phiếu khác cho dù là chỉ trong vài ngày hoặc vài tuần. Thực tế cho thấy khi thị trường lên giá thì giá của một số chứng khoán tăng nhanh hơn những chứng khoán khác, còn khi thị trường xuống giá thì một số chứng khoán giảm giá nhanh chóng trong khi có một số khác lại tăng lên, nhưng thực tế vẫn chứng minh rằng hầu như tất cả các chứng khoán đều dao động theo cùng một xu thế chung.

Cùng với những cố gắng nghiên cứu của mình, Charles Dow là người đã đưa ra khái niệm về “[chỉ số giá bình quân](#)” nhằm phản ánh xu thế chung của một số cổ phiếu đại diện cho thị trường. Hai loại chỉ số bình quân Dow-Jones được hình thành vào năm 1897 và vẫn còn cho đến ngày nay được Dow tìm ra và áp dụng trong các nghiên cứu của ông về xu thế chung của thị trường. Một trong hai loại chỉ số ấy là chỉ số của 20 công ty hỏa xa, loại còn lại gọi là chỉ số công nghiệp thuộc các ngành khác bao gồm 12 công ty mạnh nhất vào thời kỳ đó. Con số này tăng lên 20 công ty vào năm 1916 và đến 1928 là 30 công ty.

Khi nghiên cứu lý thuyết Dow có 12 nguyên lý quan trọng sau:

1. Chỉ số bình quân thị trường phản ánh tất cả (trừ hành động của Chúa).

Bởi vì nó phản ánh những hoạt động có liên kết với nhau của hàng nghìn nhà đầu tư, gồm cả những người có kinh nghiệm dự đoán thị trường giỏi nhất, có những thông tin tốt nhất về xu hướng và các sự kiện, những gì có thể nhận thấy trước và tất cả những gì có thể ảnh hưởng đến cung và cầu của các loại chứng khoán. Thậm chí cả những thiên tai hay thảm họa không dự tính được thì ngay khi xảy ra chúng đã được thị trường phản ánh ngay vào giá của các loại chứng khoán.

2. Ba xu thế của thị trường

Thuật ngữ thị trường nhằm chỉ giá chứng khoán nói chung, dao động của thị trường tạo thành các xu thế giá, trong đó quan trọng nhất là các xu thế cấp 1 (xu thế chính

hay xu thế cơ bản). Đây là những biến động tăng hoặc giảm với qui mô lớn, thường kéo dài trong một hoặc nhiều năm và gây ra sự tăng hay giảm đến 20% giá của các cổ phiếu. Chuyển động theo xu thế cấp 1 sẽ bị ngắt quãng bởi các bởi sự xen vào của các dao động cấp 2 theo hướng đối nghịch - gọi là những phản ứng hay điều chỉnh của thị trường. Những biến động này xuất hiện khi xu hướng cấp 1 tạm thời vượt quá mức độ hiện tại của bản thân nó (gọi chung các biến động này là các biến động trung gian - biến động cấp 2). Những biến động cấp 2 bao gồm những biến động giá nhỏ hay gọi là những biến động hàng ngày và không có ý nghĩa quan trọng trong Lý thuyết Dow.



3. Xu thế cấp 1

Như đã nói đến ở phần trước, xu thế cấp 1 là những chuyển động lớn của giá, bao hàm cả thị trường, thường kéo dài hơn 1 năm và có thể là trong vài năm. Nếu như mỗi đợt tăng giá liên tiếp đều đạt đến mức cao hơn mức trước đó và mỗi điều chỉnh cấp 2 đều dừng lại ở mức đáy cao hơn mức đáy của lần điều chỉnh trước thì xu thế cấp 1 lúc này là tăng giá - thị trường lúc này là thị trường con bò tốt - Bull Market (để đảm bảo tính chính xác, trong phần còn lại của của đề án sẽ dự nguyên thuật ngữ tiếng Anh : Bull Market). Còn ngược lại nếu mỗi biến động giảm đều làm cho giá xuống những mức thấp hơn còn mỗi điều chỉnh đều không đủ mạnh để làm cho giá tăng lên đến mức đỉnh của những đợt tăng giá trước đó thì xu thế cấp 1 của thị trường lúc này là giảm giá, thị trường được gọi là thị trường con gấu-Bear Market (trong 9phần còn lại sẽ giữ nguyên từ tiếng Anh). Thông thường, về lý thuyết thì xu thế cấp 1 chỉ là một trong 3 loại xu thế mà một nhà đầu tư dài hạn quan tâm. Mục đích của nhà đầu tư đó là mua chứng khoán càng sớm càng tốt trong một thị trường lên giá, sớm đến mức anh ta có thể chắc chắn rằng mới có duy nhất mình anh ta bắt đầu mua và sau đó nắm giữ đến khi và chỉ khi Bull Market đã thực sự kết thúc và bắt đầu Bear Market. Nhà đầu tư hiểu rằng họ có thể bỏ qua một cách an toàn tất cả những sự xen vào của các điều chỉnh cấp 2 và các dao động nhỏ vì họ đầu tư dài hạn theo xu thế chính của thị trường. Tuy nhiên với một kinh doanh chứng khoán ngắn hạn thì những biến động của xu thế cấp 2 lại có vai trò quan trọng bởi họ kiếm lợi nhuận dựa trên những biến động ngắn hạn của thị trường.

4. Xu thế cấp 2

Xu thế cấp 2 là những điều chỉnh có tác động làm gián đoạn quá trình vận động của giá theo xu thế cấp 1. Chúng là những đợt suy giảm tạm thời (trung gian) hay còn gọi là những điều chỉnh xuất hiện ở các Bull Market; hoặc những đợt tăng giá hay còn gọi là hồi phục xuất hiện ở các Bear Market. Thường thì những biến động trung gian này kéo dài từ 3 tuần đến nhiều tháng. Chúng sẽ kéo ngược lại khoản 1/3 đến 2/3 mức tăng (hay giảm tùy loại thị trường) của giá theo xu thế cấp 1. Do đó, chẳng hạn trong Bull Market, nếu chỉ số giá bình quân công nghiệp tăng liên tục ổn định hoặc có gián đoạn rất nhỏ và mức tăng đạt đến 30 điểm, khi đó xuất hiện xu thế điều chỉnh cấp 2, thì người ta có thể trông đợi xu thế điều chỉnh này có thể làm giảm từ 10 đến 20 điểm cho đến khi thị trường lặp lại xu thế tăng cấp 1 ban đầu của nó.

Dẫu sao cũng cần lưu ý là qui tắc giảm 1/3 đến 2/3 không phải là một luật lệ không thể phá vỡ mà nó đơn giản chỉ là một nhận xét về khả năng có thể xảy ra mà hầu hết

các biến động cấp 2 đều bị giới hạn trong mức này. Rất nhiều trong số đó ngừng tác động ở điểm gần với mức 50% mà rất hiếm khi đạt đến mức 1/3.

Như vậy có 2 tiêu chí để nhận định một xu thế cấp 2: Tất cả những chuyển động của giá ngược hướng với xu thế cấp 1 kéo dài ít nhất 3 tuần và kéo hoàn lại ít nhất 1/3 mức biến động thức của xu thế cấp 1 (tính từ điểm kết thúc biến động cấp 2 trước đó đến biến động cấp 2 này, bỏ qua những dao động nhỏ) thì được coi là thuộc loại trung gian hay còn gọi là biến động cấp 2. Mặc dù đã có những tiêu chí để xác định một xu thế cấp 2 nhưng vẫn có những khó khăn trong việc xác định thời điểm hình thành và thời gian tồn tại của xu thế.

5. Xu thế nhỏ (Minor)

Đây là những dao động trong thời gian ngắn (dài tối đa 3 tuần, hường chỉ dưới 6 ngày) mà theo như thuyết Dow đã nói đến, bản thân chúng không thực sự có ý nghĩa nhưng chúng góp phần tạo nên các xu thế trung gian. Thông thường thì một biến động trung gian dù là một xu thế cấp 2 hay là một phần của xu thế cấp 1 xen giữa hai xu thế cấp 2 liên tiếp, đều được tạo thành từ một dãy gồm 3 hoặc nhiều hơn những dao động nhỏ khác nhau. Xu thế nhỏ là dạng duy nhất trong 3 loại xu thế có thể bị “lôi kéo” (bị tác động). Để tác động vào xu thế cấp 1 và 2 thì cần những giao dịch với khối lượng rất lớn và điều này hầu như là không thể.

Để làm rõ khái niệm về 3 xu thế của thị trường, ta có thể so sánh với biến động của sóng biển với một số điểm giống nhau như sau: Xu thế cấp 1 trong giá chứng khoán giống như những đợt thủy triều lên hoặc xuống. Có thể so sánh thị trường lên giá (Bull Market) với thủy triều lên. Thủy triều dâng nước lên bờ biển ngày càng xa vào sâu trong bờ và đến đỉnh của thủy triều thì lại quay ngược trở về biển. Khi thủy triều rút lại được so sánh với thị trường xuống giá (Bear Market). Và cho dù trong lúc thủy triều lên hay xuống thì luôn có những con sóng đập vào bờ rồi lại lùi lại về biển. Khi thủy triều lên mỗi con sóng liên tiếp nhau vào bờ, sóng sau vào sâu hơn sóng trước lại góp phần làm thủy triều vào xa hơn trong bờ, nhưng khi thủy triều xuống mỗi con sóng không mang nước ra xa bờ mà nước giảm xuống là do sóng sau vào đến bờ ở mức thấp hơn (tụt lại hơn) so với đỉnh của sóng trước, mỗi con sóng do đó sẽ trả lại dần dần bờ biển như trước khi thủy triều lên. Những con sóng này là các xu thế trung gian, có thể cấp 1 hoặc cấp 2 tùy thuộc hướng chuyển động của nó so với hướng của thủy triều vào thời điểm xảy ra xu thế đó.

Mặt biển cũng luôn luôn biến động với những gợn sóng nhấp nhô chuyển động cùng chiều, ngược chiều hoặc chuyển động ngang so với hướng của những con sóng lớn - những gợn sóng này biểu hiện cho các xu thế nhỏ (những dao động hàng ngày có vai trò không quan trọng như đã nói ở phần trên). Những đợt thủy triều, những con sóng và những gợn sóng nhỏ chính là những hình ảnh so sánh giống nhất đối với những biến giá của một thị trường. Trong những phần sau ta sẽ còn xem xét đến một lý thuyết khác về thị trường gọi là Lý thuyết Sóng Elliott, trong đó mọi biến động của thị trường đều gắn trực tiếp với các con sóng.



6. Bull Market (thị trường con bò tốt - thị trường tăng giá)

Một xu thế tăng giá cơ bản thường bao gồm 3 thời kì. Thời kì đầu tiên là quá trình “tích tụ”, trong quá trình này, những nhà đầu tư có tầm nhìn xa sẽ tiến hành xem xét các doanh nghiệp, có thể vào thời kì này doanh nghiệp đang suy thoái nhưng nhà đầu tư nhận thấy khả năng doanh nghiệp có thể chuyển biến tình hình thành tăng trưởng nhanh chóng, có thể giá cổ phiếu của nó sẽ tăng trong thời gian tới. Đây cũng là thời điểm mà cổ phiếu này đang được chào bán rất nhiều bởi những nhà đầu tư đang có tâm lý rất chán nản và lo lắng về tình trạng của những cổ phiếu của họ và để nhằm tăng dần giá chào bán của họ khi thị trường xuất hiện sự suy giảm trong khối lượng giao dịch. Các bản báo cáo tài chính của doanh nghiệp đó có thể không tốt thậm chí rất tồi. Công chúng hoàn toàn cảm thấy thất vọng khi tham gia vào thị trường chứng khoán bởi họ thấy lượng tiền đã đầu tư của họ đang giảm giá trị nhanh chóng và có nguy cơ còn giảm nữa, vì vậy mà họ muốn thoát ra khỏi thị trường. Tuy nhiên có thể nhận thấy một điều vào cuối giai đoạn thứ nhất này là trong hoạt động của công ty và trong những biến động trên thị trường đã có những biến chuyển tuy mới chỉ ở mức hạn chế, bắt đầu xuất hiện những đợt tăng giá nhỏ.

Thời kì thứ 2 là thời kì của sự tăng trưởng khá vững chắc. Hoạt động của doanh nghiệp đang theo dõi gia tăng mạnh cùng với những khởi sắc trong nội bộ doanh nghiệp và doanh thu của nó cũng tăng dần và bắt đầu thu hút các mối quan tâm trên thị trường. Đây chính là thời kì mang lại nhiều lợi nhuận cho các nhà kinh doanh chứng khoán theo trường phái Phân tích kỹ thuật.

Cuối cùng là thời kì thứ 3, trong thời kì này thị trường sôi sục với những biến động của nó. Công chúng rất háo hức với từng biến động của thị trường. Tất cả các thông tin tài chính của doanh nghiệp đưa ra đều rất tốt, giá chứng khoán tăng cao ngoài sức tưởng tượng và đang là những vấn đề nóng hổi được đưa lên trang đầu của các tờ báo ra hàng ngày. Đến thời điểm sau khoảng hai năm tính từ lúc thị trường bắt đầu đi lên, những người ít kinh nghiệm có thể mới cho rằng thị trường lúc này mới chắc chắn cho lợi nhuận của họ và muốn tham gia vào thị trường. Nhưng thực sự thì sau hai năm, giá đã tăng khá cao, câu hỏi nên đặt ra vào lúc này là “nên bán cổ phiếu nào?” chứ không còn là “nên mua cổ phiếu nào?” nữa. Vào cuối thời kì thứ 3, người ta có thể thấy nạn đầu cơ tràn lan, khối lượng giao dịch vẫn tiếp tục tăng nhưng “air-pocket-stock” xuất hiện ngày càng nhiều, số lượng cổ phiếu có giá thấp nhưng không có giá trị đầu tư cũng gia tăng và cả những đợt phát hành trái phiếu cũng ít dần đi.

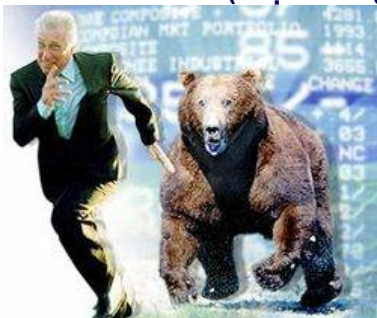
Air-pocket-stock là những cổ phiếu đột ngột giảm giá mạnh một cách bất thường - có thể là do nhà đầu tư bán ồ ạt do một tin đồn xấu. Lý do dùng khái niệm này là vì nó được so sánh với việc máy bay đột ngột mất độ cao, ngoài khả năng kiểm soát khi gặp air-pocket là những dòng khí hướng xuống, tác động làm mất chiều cao máy bay.

Lý thuyết Dow - Nền tảng của Phân tích Kỹ thuật P.2

(Bình chọn: 1 ★★★★★ -- Thảo luận: 2 -- Số lần đọc: 813)

Tiếp tục sáu nguyên lý còn lại trong Lý thuyết Dow:

7. Bear Market (Thị trường con gấu - thị trường giảm giá)



Xu thế giảm giá của thị trường cũng được chia thành ba thời kì. Thời kì đầu tiên là thời kì “phân bổ” (thời kì này thực sự bắt đầu ở giai đoạn cuối của Bull Market trước đó). Trong thời kì này những nhà đầu tư có tầm nhìn xa đều nhận thấy rằng doanh thu (và các chỉ số kinh doanh nói chung) của những công ty mà họ đang nắm giữ cổ

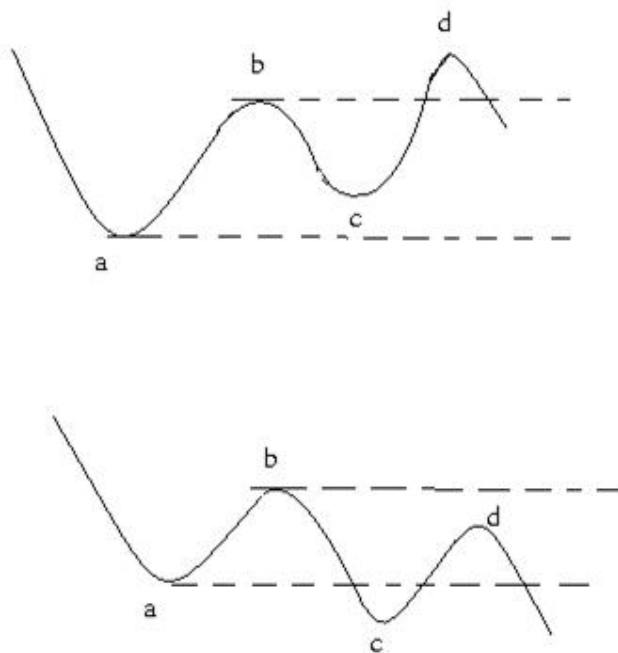


phiếu đều đang đạt mức cao không bình thường và họ muốn nhanh chóng thoát khỏi vị thế sở hữu cổ phiếu của những công ty này. Khối lượng giao dịch vẫn rất cao mặc dù đã có những dấu hiệu của xu hướng giảm, công chúng vẫn rất “năng động” nhưng cũng bắt đầu có dấu hiệu lo lắng và cũng không còn nhiều kỳ vọng kiếm lợi nhuận.

Thời kỳ thứ hai được gọi là thời kỳ **"hỗn loạn"**. Số lượng người mua bắt đầu giảm dần và những người bán bắt đầu trở lên vội vã bán đi những cổ phiếu mình đang nắm giữ. Xu thế giảm giá bắt đầu tăng mạnh làm đồ thị giá gần như dốc thẳng xuống và khối lượng giao dịch đạt đến mức đỉnh điểm. Giai đoạn này được gọi là hỗn loạn vì sự sụt giảm thường xảy ra rất trầm trọng thậm chí là thái quá với mức độ vượt quá cả thực trạng của các doanh nghiệp. Sau giai đoạn hỗn loạn có thể có giai đoạn hồi phục (một dạng xu thế cấp hai) hoặc một giai đoạn dao động ngang của đồ thị thị trường (các dao động không có hướng đi lên hay đi xuống mà là dao động trong một khoảng cố định theo chiều ngang của thị trường) trong một thời gian tương đối dài. Giai đoạn này thể hiện tâm lý chán nản của một bộ phận nhà đầu tư, họ cũng chính là những người đã cố gắng nắm giữ cổ phiếu qua thời kỳ hỗn loạn trước đó hoặc cũng có thể là những người đã mua cổ phiếu trong thời kỳ đó bởi vì lúc đó giá của cổ phiếu rõ ràng là rẻ hơn rất nhiều so với trước đó vài tháng. Thông tin về các doanh nghiệp ngày càng xấu đi. Kết thúc giai đoạn này mới bước vào thời kỳ thứ ba.

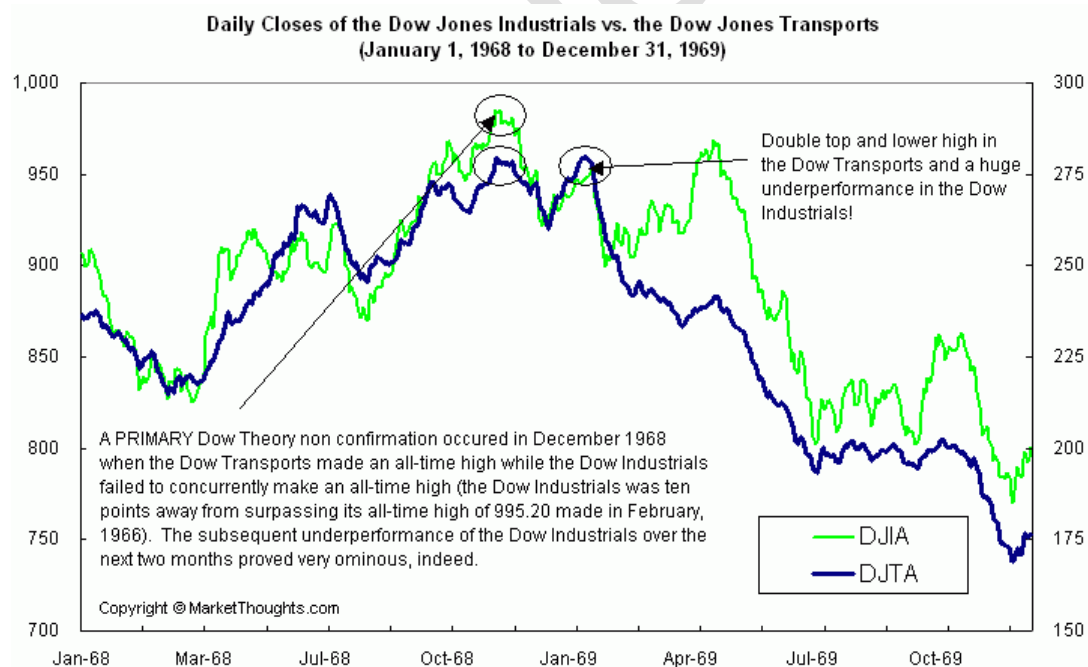
Vào thời kỳ thứ ba, xu thế đi xuống trên thị trường đã yếu dần, nhưng lại được duy trì bởi những lệnh bán nhiều và liên tục thể hiện “nỗi buồn” và sự lo lắng của những nhà đầu tư đang rất cần tiền cho những nhu cầu riêng của họ. Các cổ phiếu đều giảm đến mức thấp nhất, thậm chí gần như mất hoàn toàn giá trị. Những cổ phiếu có chất lượng cao hầu như không được giao dịch vì những người sở hữu chúng đều muốn nắm giữ đến cùng. Ở giai đoạn cuối của Bear Market, như một kết quả của toàn bộ thời kỳ giảm giá trước, cả thị trường chỉ tập trung vào giao dịch một số loại cổ phiếu. Bear Market kết thúc tất cả với những tin xấu về các doanh nghiệp, về thị trường ở mức có thể coi là tồi tệ nhất đã thể hiện ra và có thể đến.

8. Hai đường chỉ số bình quân của thị trường phải cùng xác nhận xu thế của thị trường. Đây là câu hỏi thường xuyên đặt ra nhất và cũng khó giải thích nhất đối với hệ thống các nguyên lý của lý thuyết Dow. Tuy nhiên từ khi được đưa ra cho đến nay nó đã được thời gian chứng minh tính đúng đắn và nó vẫn được vận dụng cho đến ngày nay và bất kỳ một ai đã xem xét những số liệu ghi lại thì đều không thể có ý kiến phản đối với nguyên lý này. Còn với những người ít quan tâm hay bỏ qua nguyên lý này thì trong thực tế kinh doanh đã và sẽ phải nhiều lần cảm thấy tiếc nuối. Điều nguyên lý này muốn nói đến là không thể có một dấu hiệu chính xác nào về sự thay đổi xu thế thị trường có thể được khẳng định chỉ thông qua xem xét biến động của duy nhất một loại chỉ số bình quân (ở đây muốn nói đến những thị trường bao gồm nhiều chỉ số bình quân, chẳng hạn như ở Mỹ, như nói ở phần đầu, có hai loại chỉ số bình quân).



- Chỉ số bình quân bên dưới chỉ ra thị trường đi xuống
- Chỉ số bình quân phía trên chỉ ra thị trường đi lên

Như vậy thị trường sẽ vẫn đi xuống do cả hai không cùng xác nhận một sự đảo chiều trong xu thế hiện tại của thị trường.



Chỉ khi nào cả chỉ số bình quân cũng chỉ ra là thị trường đang có xu thế đi lên thì ta mới có cơ sở xác nhận một dấu hiệu về sự đảo chiều của xu thế chính. Trong hình vẽ trên, trừ khi có một biến động nào khác nếu không chỉ duy nhất chỉ số bình quân bên dưới sẽ không dễ chuyển hướng chung của thị trường mà thậm chí còn bị kéo xuống. Xu thế cấp 1 của thị trường rõ ràng vẫn chưa rõ ràng. Đây là một ví dụ áp dụng nguyên lý về sự xác nhận. Không cần thiết cả hai chỉ số

binh quân phải cùng xác nhận vào 1 ngày. Thường thì cả hai chỉ số này sẽ cùng chuyển động đến cùng một khoảng đỉnh hoặc đáy mới, nhưng có nhiều trường hợp mà một trong hai chỉ số sẽ trễ hơn chỉ số kia vài ngày, vài tuần, thậm chí là một đến hai tháng. Trong những tình huống như vậy thì nhà đầu tư phải giữ kiên nhẫn và đợi cho đến khi thị trường thật sự thể hiện ra bản chất xu hướng của nó.

9. Khối lượng giao dịch áp dụng kèm với xu thế thị trường.



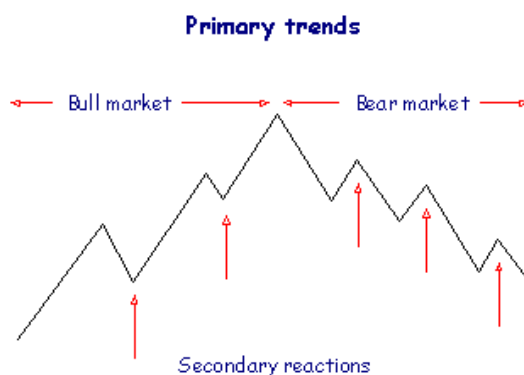
IS101-060 www.imagesource.com

Điều này thể hiện một thực tế là khi giá biến động theo đúng xu thế cấp 1 thì các hoạt động kinh doanh trên có xu hướng mở rộng hơn. Do vậy, với Bull Market, khối lượng giao dịch sẽ tăng nếu giá tăng, và sẽ thu lại nếu giá giảm; với Bear Market giá trị giao dịch sẽ tăng nếu giá giảm và ít khi giá có dấu hiệu phục hồi. Điều này vẫn đúng ở mức độ thấp hơn tức là với những xu thế cấp 2, đặc biệt là trong giai đoạn đầu của một xu thế hồi phục cấp 2 trong một Bear Market, khi mà các diễn biến của thị trường chỉ ra rằng giá sẽ tăng lên theo một số đợt tăng giá nhỏ, còn các biến động kéo giá xuống giảm đi. Các kết luận ở đây thường không có giá trị nếu chỉ dựa trên diễn biến trong vài ngày và càng không có giá trị với những kết luận dựa trên một phiên giao dịch đơn lẻ. Nguyên lý này chỉ phát huy hiệu quả nếu dựa trên những diễn biến của khối lượng giao dịch chung trong thời gian giao dịch tương đối dài. Hơn nữa, theo Lý thuyết Dow thì chỉ dựa trên những phân tích về giá mới có thể đưa ra được những dấu hiệu mang tính quyết định về xu thế thị trường, còn khối lượng giao dịch chỉ có thể cung cấp thêm những chứng cứ phụ để giải thích rõ hơn biến động của thị trường và sử dụng vào những tình huống khi dấu hiệu chính tỏ ra còn nhiều nghi ngờ.

10. Đường ngang có thể thay thế cho các xu thế cấp 2.

Đường ngang theo định nghĩa của Lý thuyết Dow là những chuyển động ngang có tính chất trung gian của thị trường phản ánh thời kỳ mà giá biến động rất ít (với thị trường Mĩ là nhỏ hơn hoặc bằng 5%). Đường ngang thường kéo dài từ 2 đến 3 tuần hoặc đôi khi là lâu hơn (trong vài tháng). Khi thị trường xuất hiện mô hình dạng đường ngang, điều này chỉ ra rằng áp lực của cung và cầu trên thị trường là tương đối cân bằng. Thực tế trong giai đoạn này các lệnh đặt mua hoặc bán đều thể hiện một sự kiệt sức. Những người muốn mua cổ phiếu thì phải tăng mức giá chào mua để khuyến khích người có cổ phiếu mà họ muốn bán cho họ, còn những người muốn bán thì với thị trường có biến động dạng đường ngang họ thấy rằng số lượng người mua đang ít dần và kết quả là họ phải giảm giá để có thể bán được những cổ phiếu của mình. Do vậy một mức giá dao động vượt ra ngoài mức dao động của mô hình đường ngang đang xuất hiện trên thị trường sẽ là một dấu hiệu rõ ràng cho một thị trường lên hoặc xuống giá tùy thuộc vào hướng của dao động vượt ra ngoài. Nhìn chung mô hình đường ngang càng kéo dài lâu và biên độ dao động càng nhỏ thì ý nghĩa của dao động vượt ra ngoài mô hình đường ngang càng lớn.

Mô hình đường ngang thường diễn ra dài vừa đủ để khoảng thời gian tồn tại của nó mang một ý nghĩa quan trọng đối với những người phân tích thị trường theo trường phái Dow. Những biến động vượt ra ngoài mô hình đường ngang có thể là dấu hiệu cho thấy mô hình này chính là những mức đỉnh hoặc đáy rất quan trọng của thị trường bởi nếu là



đỉnh thì đó chính là giai đoạn “phân bổ” - giai đoạn ban đầu của một Bear Market; còn nếu dấu hiệu cho thấy nó có thể là mức đáy của thị trường thì đây là giai đoạn “tích tụ” - giai đoạn đầu của một Bull Market. Thông thường nhất, nó đóng vai trò như một thời kỳ yên tĩnh thuộc giai đoạn cuối cùng trong quá trình hình thành hoặc thuộc giai đoạn củng cố xu thế cấp 1 của thị trường. Trong những trường hợp đó mô hình này đóng vai trò như những sóng cấp 2. Mức biến động 5% cũng hoàn toàn chỉ là một mức biên độ được xác định theo kinh nghiệm bởi trên thực tế rằng mô hình đường ngang có rất nhiều điểm tương đồng với mô hình cũng có nhiều biến động ngang với biên độ lớn hơn nhưng hai biên của nó vẫn được xác định khá rõ ràng và tương đối chuẩn nên cũng được tính là một loại mô hình đường ngang.

11. Chỉ sử dụng mức giá đóng cửa để nghiên cứu.

Lý thuyết Dow không quan tâm và ít đề cao đến các mức biến động giá (thậm chí là cả mức giá cao nhất và thấp nhất) trong ngày mà chỉ quan tâm đến những số liệu cuối ngày giao dịch, chẳng hạn như mức bình quân giá bán cuối cùng trong ngày.

Xem xét một thị trường với xu thế cơ bản là tăng giá và đang ở thời điểm giá tăng và đạt mức đỉnh của ngày hôm đó vào 11 giờ sáng, giá sử lúc đó chỉ số bình quân đang là 152.45 sau đó lại giảm xuống mức giá đóng cửa là 150.70. Để có thể xác nhận thị trường vẫn đang trong xu thế cơ bản là tăng giá thì ở đợt tăng giá tiếp theo mức giá đóng cửa phải cao hơn 150.70. Trong trường hợp này mức đỉnh 152.45 không được quan tâm đến. Trái lại nếu ở đợt thứ 2, dù giá có đạt đến mức đỉnh ở 152.60 nhưng giá đóng cửa lại nhỏ hơn 150.70 thì hoàn toàn có cơ sở để nghi ngờ liệu xu thế tăng giá hiện tại có còn tiếp tục hay không.

Trong những năm gần đây, nhiều ý kiến đã được đưa ra xung quanh vấn đề liệu chỉ số giá bình quân phải tăng thêm hay giảm đi bao nhiêu so với giới hạn đạt được của đợt dao động giá trước (đỉnh hoặc đáy) để có thể báo hiệu (xác nhận một xu thế mới hoặc xác nhận lại xu thế hiện tại) xu thế thị trường. Dow và Hamilton luôn rất cẩn thận trong việc xem xét bất cứ một dao động nhỏ nào xen vào xu thế hiện tại làm giá thay đổi thậm chí đến 0.01 và hai ông đều cho rằng dấu hiệu đó hoàn toàn có thể là một dấu hiệu đúng. Nhưng ngày nay nhiều nhà phân tích cho rằng mức thay đổi đó phải đạt ít nhất 1.00 mới có thể được coi là một dấu hiệu của thị trường.

12. Một xu thế cần được giả định rằng vẫn đang tiếp tục cho đến khi có một dấu hiệu thực sự về sự đảo chiều của xu thế đó được xác định.

Nguyên lý này là một trong những nguyên lý có nhiều ý kiến tranh cãi nhất. Nhưng khi được hiểu chính xác nó vẫn có giá trị rất lớn trong phân tích thị trường. Nguyên lý thứ mười hai giúp đề phòng với những thay đổi (phản ứng) quá sớm trong quan điểm về thị trường, theo như chúng ta hay nói là “cầm đèn chạy trước ô tô”, của bất kỳ nhà đầu tư nào. Điều này không nhằm làm nhà đầu tư trì hoãn hành động của mình lại một cách không cần thiết, cho dù là chỉ một phút, khi những dấu hiệu về sự thay đổi của xu thế thị trường là đã rõ ràng, nhưng nó nhắc nhở một điều rằng lợi thế sẽ nghiêng về phía những người biết chờ



đợi cho đến khi họ chắc chắn về tình hình thị trường và rõ ràng sẽ không nghiêng về những người quá nôn nóng với hành động của họ. Khả năng xảy không thể được phát hiện một cách rõ ràng bởi bản chất của nó là những biến động thực tế của thị trường và chúng thay đổi thường xuyên. Bull Market không thể lên giá mãi và Bear Market thì sớm muộn cũng đạt đến đáy của nó. Khi một xu thế cấp 1 của thị trường vừa mới được hình thành thì cho dù có những dao động trong ngắn hạn ta vẫn có thể chắc chắn rằng nó không thay đổi, nhưng nếu nó kéo dài càng lâu thì mức chắc chắn càng ít dần đi, các điểm tái xác nhận xu thế thị trường cũng có giá trị ít dần đi.

Động lực của người mua và khả năng bán được những cổ phiếu với giá cao hơn giá mua để kiếm lời sẽ ngày càng thấp nếu như Bull Market đã tồn tại trong nhiều tháng và rõ ràng là thấp hơn khi nó mới hình thành. Nguyên lý thứ mười hai của Dow nói rằng “Making your position pending contrary orders”.

Một hệ quả tất yếu từ nguyên lý này đó là khi đã có những dấu hiệu về sự thay đổi của xu thế thị trường thì sự thay đổi đó có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vì vậy bất cứ nhà đầu tư nào cũng cần phải theo dõi thị trường một cách thường xuyên.

Hay Thật! Lâu lắm em mới nghe được bài tham luận thực tế về phân tích kĩ thuật như thế này.

Xét về phía ptkt em cũng nhận định rằng thị trường tương tự như anh – TT sẽ không tốt đẹp như trước kia nữa những dấu hiệu trong phân tích dài hạn (Weekly) đã cho thấy thị trường có xu hướng giảm trở lại.

Về phân tích tình hình chung, Nếu chúng ta suy xét cân nhắc hơn thì thấy điều này lại sẽ càng đúng hơn.

Lập luận: Xét về tổ chức - Khi một thị trường đã có sự can thiệp và dầm ngó của những nhà đầu tư chuyên nghiệp hơn, họ sẽ cẩn trọng hơn nếu quyết định lao vào một thị trường mà trong đó toàn là những quả trứng dễ vỡ.

MA CK	GIA TT	EPS	P/E
PVD	270	1.831	147
FPT	610	8.065	76
STB	154	2.482	62
BBT	29.2	0.493	59
HBC	94.5	1.597	59
SGH	94.5	1.63	58
VTM	31.1	0.539	58
CII	86.5	1.59	54
DHG	270	5.02	54
SJS	380	7.14	53

Về phía *NĐT nhỏ lẻ và không chuyên nghiệp*: Họ sẽ phải tìm cách để tự trang bị cho mình những công cụ thật vững chắc để kiếm được nhiều tiền hơn, mà khi người ta đã nhận biết được những điều không thật từ một thế giới thật mà ở đây tạm gọi là thị trường bong bóng --> dĩ nhiên NĐT sẽ thận trọng hơn trong quyết định của mình. Mà nếu nói là thị trường giá ảo, giá bong bóng. Vậy thử hỏi có bao nhiêu người dám bước vào thị trường này và nếu như các NĐT về phía cá nhân cũng như tổ chức đều thận trọng như vậy thì thị trường liệu có còn liên tục Dư Mua nữa không?

Riêng phuctran cho rằng thị trường chứng khoán Việt Nam tạm thời sẽ giảm và Vnindex có thể hoạt động tốt ở mức VNIndex 900 đến 1000. Tất nhiên thị trường sẽ tăng trưởng tốt hơn khi Việt Nam tiếp tục phát huy thế mạnh của mình từ những doanh nghiệp nội tại, nhưng có lẽ chúng ta phải chờ một thời gian nữa mới hy vọng thực hiện được điều này.

Phuctran

Vấn đề thứ 8 trong lý thuyết của Dow có nói về việc hai chỉ số phải xác nhận lẫn nhau trước khi ta có thể xác nhận về một xu thế chung cho toàn thị trường. Điểm này ám chỉ tới hai chỉ số Dow Jones Industry và Dow Jones Transport. Tuy là hai chỉ số tách biệt nhưng có liên quan mật thiết và nói chung cùng thể hiện tình trạng của thị trường.

Ở Việt Nam hiện nay, sự tăng trưởng và biến động của hai chỉ số HASTC- ndex và HSTC Index cũng có độ đồng điệu rất cao. Qua biểu đồ một năm của hai chỉ số này có thể thấy được tính đồng điệu đó.



Quay lại với những dấu hiệu về thị trường Bear Market trong lý thuyết Dow. "Xu thế giảm giá của thị trường cũng được chia thành ba thời kỳ. Thời kỳ đầu tiên là thời kỳ "phân bổ" (thời kỳ này thực sự bắt đầu ở giai đoạn cuối của Bull Market trước đó)." Theo cá nhân tôi, thời kỳ này đã qua sau khi kết thúc tuần đầu tiên giao dịch sau Tết hoặc có thể từ trước đó. Phân tích kỹ thuật nghiêng rất nhiều trên khía cạnh phân tích tâm lý nhà đầu tư, bởi trong ngắn hạn, tâm lý con người là khó đoán, nhưng trong dài hạn, qua nhiều thế hệ, những chuyên gia PTKT tin rằng nhưng mô hình biến động tâm lý chung của loài người là không đổi và giống nhau, chẳng hạn như nhiều tiền thì vui và mất tiền thì buồn.

Tuy nhiên để kết quả phân tích tâm lý tránh các "nhiều", giả định của PTKT là nhà đầu tư có trình độ đầu tư tối thiểu, tức là những người không biết gì về chứng khoán, đầu tư (đang không ít ở VN) sẽ không được xét đến. Nếu như áp dụng giả định này, cá nhân tôi tin những người đã có kiến thức nhất định về CK và Đầu tư đều đồng ý về thực tế quá nóng và vượt xa giá trị thực của toàn thị trường. Nói theo lý thuyết Dow, họ là

những người có khả năng nhìn xa hơn và nhận thức được sự không bình thường, một số bắt đầu nghĩ đến việc thoát ra. Ở vào thời điểm có một vài tư tưởng như vậy, thị trường vẫn sôi động, khối lượng giao dịch vẫn rất lớn. Tuy nhiên rõ ràng có ngày càng nhiều người cảm thấy lo lắng.

Trong những tuần gần đây, thị trường đã có dấu hiệu khác so với thời gian trước đó, hình dạng tăng thẳng đứng, tốc độ tăng vũ bão được thay đổi bằng một vài cú giạt ngược khá mạnh sau đó hồi phục, xen kẽ bởi những phiên tăng và giảm giá nhẹ.



Biểu đồ ngắn từ đầu tháng hai cho thấy VNIndex không biến động quá mạnh trong vài tuần gần đây, những đoạn tăng/giảm tạo cho chúng ta cảm giác về một giai đoạn dao động ngang nhiều hơn. HASTC có tăng vọt trong nửa đầu tháng 2, sau đó cũng dao động ngang từ thời điểm cuối tháng hai đến nay.

Không thể khẳng định như tiên tri rằng thị trường sẽ thế nào, tuy nhiên cá nhân tôi nghĩ sau một vài cú giạt khá mạnh rồi lại hồi phục và biến động lẫn tăn chiều ngang nếu kéo dài lâu hơn, (ở Mỹ là 2-3 tuần, ở VN có thể lâu hơn chẳng?) thì cú vọt sau giai đoạn này có thể mang tính quyết định. Về hướng nào thì sẽ là "không lường thiện" nếu đi khuyên, hay thủ thỉ vào tai ai đó ^^, nhưng quan điểm cá nhân tôi là có lẽ sẽ không hướng lên

Lý thuyết Dow- những hạn chế

(Bình chọn: 0 ☆☆☆☆ -- Thảo luận: 0 -- Số lần đọc: 512)

Trái lại với việc nhiều người vẫn coi lý thuyết Dow là một dạng kim chỉ nam, một dạng bí kíp tuyệt học cho lĩnh vực phân tích đầu tư tài chính, thì nhiều nghiên cứu sử dụng các công cụ thống kê hiện đại lại cho thấy Lý thuyết Dow cũng có nhiều hạn chế. Dưới đây là một số hạn chế cơ bản.

Lý thuyết Dow quá trễ.

Đây là ý phê bình đúng. Đôi khi người ta còn thậm chí cho rằng nếu mỗi biến động lớn của thị trường được chia thành ba phần thì Lý thuyết Dow sẽ làm người tuân theo nó mất đi cơ hội kiếm lời ở phần đầu và cuối của biến động này, có khi là mất đi toàn bộ cơ hội.

Nhắc lại rằng đây là một điểm đúng về Lý thuyết Dow, nhưng trên thực tế những hành động theo đúng Lý thuyết Dow cũng đã mang lại lợi nhuận rất lớn và có rất ít người đạt được mức lợi nhuận này. Những ghi nhận và tính toán cho thấy lợi nhuận sẽ rất cao nếu đầu tư theo đúng Lý thuyết Dow.

Lý thuyết Dow không phải là luôn đúng.

Điều này hoàn toàn rõ ràng. Việc áp dụng Lý thuyết Dow hoàn toàn dựa vào khả năng giải thích tình hình thị trường và chịu sự rủi ro đối với tính chính xác của những giải thích này. Dẫu sao cũng cần nhắc lại rằng lịch sử đã chứng minh nếu tuân thủ đúng theo lý thuyết Dow thì lợi nhuận sẽ rất cao.

Lý thuyết Dow thường làm cho nhà đầu tư phải bán khoản.

Bất cứ lúc nào Lý thuyết Dow cũng có thể đưa ra những câu trả lời dựa trên cơ sở hợp lý về tình hình thực tế của thị trường. Câu trả lời có thể sai nhưng chỉ là trong một thời gian ngắn tương đối ở giai đoạn đầu của xu thế cấp 1 mới hình thành. Sẽ cũng có lúc một nhà phân tích theo trường phái Dow nói với một nhà đầu tư rằng: “Xu thế cơ bản của thị trường có lẽ sẽ vẫn là lên giá nhưng thị trường đã bước vào thời kỳ nguy hiểm và tôi không thể khuyên bạn chính xác nên mua gì vào lúc này. Có lẽ đã muộn”.



Thường thì ý kiến phản đối này chỉ phản ánh những phản ứng đối với quan điểm của Lý thuyết Dow nguyên lý chỉ số bình quân phản ánh mọi thông tin và thông số của thị trường chứng khoán. Có thể ý kiến phản đối này là của những người có quan điểm bản thân về những biến động cổ phiếu không thống nhất với quan điểm của Lý thuyết Dow.

Trong những trường hợp khác, những lời chỉ trích nhằm vào Lý thuyết Dow chỉ phản ánh duy nhất một điều là sự thiếu kiên nhẫn của người đưa ra lời chỉ trích ấy. Sẽ có thể trong nhiều tuần hay nhiều tháng (điển hình là với thị trường đang xuất hiện mô hình đường ngang) Lý thuyết Dow không thể đưa ra một nhận định cụ thể nào. Khi đó nếu một nhà đầu tư “ưa hoạt động” phản ứng lại thì điều đó là hoàn toàn dễ hiểu. Nhưng tính kiên nhẫn là một phẩm chất không thể thiếu trên bất kì thị trường chứng khoán nào bởi nó sẽ giúp nhà đầu tư tránh được những sai lầm nghiêm trọng.

Lý thuyết Dow không giúp gì được cho những nhà đầu tư theo các biến động trung gian. Họ là những người đầu tư trong ngắn hạn. Lý thuyết Dow hầu như không đưa ra (nếu có thì chỉ rất ít) những dấu hiệu về sự thay đổi trong các xu thế trung gian. Tuy nhiên nếu có thể có được những dấu hiệu này thì rõ ràng lợi nhuận sẽ cao hơn nhiều so với chỉ đầu tư theo những biến động của xu thế cấp một. Một số nhà kinh doanh chứng khoán đã dựa trên Lý thuyết Dow để đưa ra những nguyên lý phụ áp dụng cho các biến động trung gian. Nhưng nhìn chung chưa có một nguyên lý nào loại này hoạt động thực sự có hiệu quả. Lý thuyết Dow chỉ là một công cụ - một chiếc máy để khi ta đưa dữ liệu vào thì nó đưa ra những kết quả về xu thế cấp 1 - xu thế chính của thị trường. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng bởi hầu hết các cổ phiếu trên thị trường đều vận động theo xu thế đó. Lý thuyết Dow không thể chỉ ra, không thể giúp bạn xác định nên mua hay bán loại cổ phiếu nào.

Qui định T+3 và những ngày liên quan đến chia cổ tức

Với các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư dài hạn, cổ tức là một thu nhập rất quan trọng từ việc sở hữu cổ phiếu của một công ty. Quyết định chia cổ tức là do ban giám đốc của công ty đưa ra. Chẳng có gì bắt buộc một công ty phải trả cổ tức cho cổ đông, cho dù nếu trong quá khứ nó đã từng làm vậy. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư lại coi một mức cổ tức ổn định là thước đo quan trọng cho một cổ phiếu tốt, vì vậy hầu hết các công ty đều phải phân vân nếu họ có ý định giảm hoặc không chia cổ tức.

Người ta có thể chia cổ tức dưới nhiều dạng khác nhau, nhưng phổ biến nhất là chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu. Nhưng điều hay gây rắc rối ở đây không phải là cổ tức được chia thế nào, chia bao nhiêu mà vấn đề là cổ tức được chia khi nào?

Có bao nhiêu ngày liên quan đến việc chia cổ tức?

Là một người tham gia vào thị trường chứng khoán, chắc hẳn bạn đã từng lúng túng khi gặp phải rất nhiều khái niệm liên quan đến ngày trả cổ tức của một công ty: ngày công bố cổ tức, ngày giao dịch không hưởng cổ tức, ngày khóa sổ, ngày thanh toán cổ tức.

Thật may mắn, vì nếu là nhà đầu tư, bạn chỉ cần quan tâm đến 2 ngày: ngày giao dịch không hưởng cổ tức và ngày thanh toán. Nắm vững đặc điểm của hai ngày này đã là đủ với một nhà đầu tư. Còn từ góc độ của công ty, ngày khóa sổ và ngày thanh toán là những mốc quan trọng.

Qui định T+3 về ngày thanh toán và ngày khóa sổ

Theo qui định T +3: nhà đầu tư chỉ có thể nhận được chứng khoán (nếu là người mua) hoặc tiền (nếu là người bán) trên tài khoản của mình tại CTCK sau 3 ngày làm việc (T+3) kể từ ngày mua bán. Đây là một qui định mang tính quốc tế mà hầu hết các thị trường chứng khoán trên thế giới đều áp dụng, trong đó có cả Việt Nam.

Khi một công ty công bố việc chia cổ tức, thì ngoài số cổ tức được chia trên mỗi cổ phiếu, nó còn công bố ngày khóa sổ (books closing date) hay còn gọi là ngày ghi nhận (record date). Tất cả các cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ phần của công ty vào ngày đó sẽ được chia cổ tức.

Nhưng để có tên trong sổ đăng ký cổ phần vào ngày đó, các nhà đầu tư phải mua cổ phiếu từ ít nhất là 3 ngày làm việc trước đó. Đó chính là ý nghĩa của qui định T+3 trong trường hợp này. Khi các nhà đầu tư mua cổ phiếu thông qua một người môi giới, ngay khi giao dịch ấy được thực thi thì nhà đầu tư đó đã trở thành người sở hữu về mặt kinh tế đối với cổ phiếu đó, và phải chịu mọi rủi ro, lãi lỗ có thể xảy ra đối với các biến động giá của nó. Tuy nhiên, ngày mà giao dịch ấy thực sự được thực hiện, về mặt vật lý, khi tiền được chuyển từ tài khoản của người mua sang tài khoản người bán, và người mua thực sự nhận được cổ phiếu là 3 ngày làm việc sau ngày khớp lệnh nói trên.

Khoảng thời gian này cho phép những người có nhiệm vụ thực thi các lệnh giao dịch loại bỏ mọi trục trặc và tranh chấp trước ngày giao dịch thực sự. Vì vậy, để có thể trở thành người nắm giữ cổ phiếu vào ngày khóa sổ, và nhờ đó, có quyền được nhận cổ tức, nhà đầu tư cần phải mua nó ít nhất 3 ngày trước đó. Để tránh cho nhà đầu tư phải tự mình làm những phép tính toán phức tạp đồng thời có thể mắc sai sót, đặc biệt khi mà khoảng thời gian 3 ngày này có dính dáng đến những ngày nghỉ lễ thì thông thường, chính sàn giao dịch sẽ làm tất cả những việc đó. Sau khi công ty công

bổ ngày khóa sổ, sàn giao dịch sẽ thông báo cho toàn bộ thị trường về ngày mà các nhà đầu tư cần phải mua cổ phiếu trước đó để được hưởng cổ tức.

Ngày giao dịch không hưởng cổ tức

Ngày giao dịch không hưởng cổ tức là ngày mà nếu bạn mua cổ phiếu vào hoặc sau ngày đó thì bạn sẽ không được hưởng cổ tức của lần chia đó (dĩ nhiên điều này chẳng ảnh hưởng gì đến quyền nhận cổ tức của bạn 1 năm sau đó, nếu bạn còn giữ cổ phiếu đó!) Vì vậy, một điều quan trọng đối với nhà đầu tư là phải nắm được ngày đặc biệt này. Theo qui định T+3 nói trên thì ngày giao dịch không hưởng cổ tức được hiểu là 2 ngày trước ngày khóa sổ.

Vào ngày giao dịch không hưởng cổ tức, giá cổ phiếu sẽ sụt xuống một khoảng xấp xỉ với giá trị phần cổ tức được chia. Nhưng mọi thứ đều công bằng bởi vì bạn sẽ được bù đắp bằng chính số cổ tức ấy trong 1,2 tuần sau đó. Vì vậy, đừng có bi lụy chỉ vì cổ phiếu của bạn đã bị sụt mất vài % chỉ sau có 1 đêm. Tất nhiên, không có gì là tuyệt đối cả, giá cổ phiếu sẽ sụt xuống có thể nhiều hơn hoặc ít hơn số cổ tức được chia một chút, tùy thuộc hoàn toàn vào các yếu tố hàng ngày hàng giờ vẫn ảnh hưởng đến giá của nó.

Ví dụ: ngày 15/3/2007 công ty Cổ phần đồ hộp Hạ Long (CAN) công bố sẽ chia cổ tức 2000 đ/cp, ngày công ty chính thức khóa sổ là 31/3/2007, như vậy vào ngày 31/3, tất cả các cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ đông của công ty sẽ được quyền nhận cổ tức. Vì Việt Nam cũng áp dụng qui định T+3, nên ngày giao dịch không hưởng cổ tức là 29/3/2007. Những nhà đầu tư nào mua cổ phiếu CAN từ ngày 29/3 trở đi sẽ chỉ trở thành cổ đông chính thức của CAN từ 1/4/07 trở đi, cho nên không được quyền hưởng cổ tức lần này. Giả sử đây là thông tin duy nhất ảnh hưởng đến cổ phiếu của CAN thì giá của nó vào 29/3 sẽ giảm tương ứng từ 30.000 đ/cp xuống còn 28.000/cp.

Ngày cuối cùng có liên quan đến việc chia cổ tức là ngày thanh toán, ngày mà công ty tiến hành việc thanh toán (tiền, hoặc cổ phiếu) cho cổ đông của mình. Thông thường thì việc thanh toán thực tế này diễn ra một vài tuần sau ngày khóa sổ.

Một cơ hội kiếm lời tuyệt vời?

Khi mà không ít các nhà đầu tư vẫn hay lúng túng trước những thời điểm đặc biệt như thế này thì chẳng có gì là ngạc nhiên khi người ta có hẳn một chiến lược riêng để khai thác điểm yếu ấy. Chiến thuật ấy được gọi là "*đánh cắp cổ tức*" - (stripping dividend) thông qua việc mua một cổ phiếu ngay trước ngày giao dịch không hưởng cổ tức, thu cổ tức và các khoản hoàn thuế ưu đãi liên quan, rồi bán đi ngay sau đó.

Nếu cổ phiếu giảm giá ít hơn khoản cổ tức được chia, nhà đầu tư sẽ dễ dàng kiếm được lợi nhuận. Nhưng thật không may là thị trường chứng khoán lại không có thói quen cho không ai cái gì, chẳng có gì đảm bảo cho nhà đầu tư là điều ngược lại không xảy ra.

Còn về khoản hoàn thuế ưu đãi thì sao? Theo hệ thống thuế của một số nước (Australia, New Zealand), để tránh việc đánh thuế hai lần lên số cổ tức của nhà đầu tư (trước đó đã phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp), cơ quan thuế thường cho phép hoàn thuế với phần mà công ty đã nộp.

Ví dụ: 1 công ty có lợi nhuận \$20/cp. Công ty này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 30% ~ \$6/cp. Công ty chia cổ tức 50% số lợi nhuận. Như vậy nhà đầu tư nhận cổ tức (\$7/cp) và anh ta sẽ được cơ quan thuế hoàn lại số

thuế tương ứng \$3 để có thu nhập đủ \$10/cp, số tiền này sau đó mới được tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.

Nhà đầu tư có thể lợi dụng quy định này để chiếm lấy phần hoàn thuế này rồi bán ngay cổ phiếu đó đi. Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản như vậy. Cơ quan thuế các nước này còn đặt ra một quy định có tên là "quy định 45 ngày", theo quy định này, nhà đầu tư muốn hưởng khoản hoàn thuế trên phải nắm giữ cổ phiếu đó tối thiểu là 45 ngày trước và sau ngày giao dịch không hưởng cổ tức. Trong suốt thời gian ấy không phải cổ phiếu nào cũng giữ được giá ổn định và số tiền mà nhà đầu tư thu được theo cách này cũng không còn hấp dẫn nữa, ngoài ra còn chưa tính đến các khoản thuế phụ trội khác. Rốt cuộc, những nhà đầu tư kiểu này chỉ tổ làm giàu cho các tay môi giới.

www.saga.